

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN



2016



MỤC LỤC

I.	THÔNG ĐIỆP	04
II.	TỔNG QUAN VỀ PTI	06
1.	Giới thiệu chung	06
2.	Tầm nhìn đến 2020	06
3.	Hướng đến khách hàng	07
4.	Hội đồng Quản trị	08
5.	Ban kiểm soát	12
6.	Ban điều hành	14
7.	Sơ đồ tổ chức	16
III.	BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG	18
1.	Kết quả kinh doanh	20
2.	Hoạt động cộng đồng	24
3.	Các sự kiện nổi bật	26
4.	Các giải thưởng	28
IV.	BÁO CÁO QUẢN TRỊ	30
1.	Báo cáo của Hội đồng quản trị	32
2.	Báo cáo của Ban kiểm soát	36
V.	THÔNG TIN CỔ ĐÔNG	38
VI.	BÁO CÁO TÀI CHÍNH	42
VII.	HỆ THỐNG MẠNG LƯỚI	92

THÔNG DIỆP

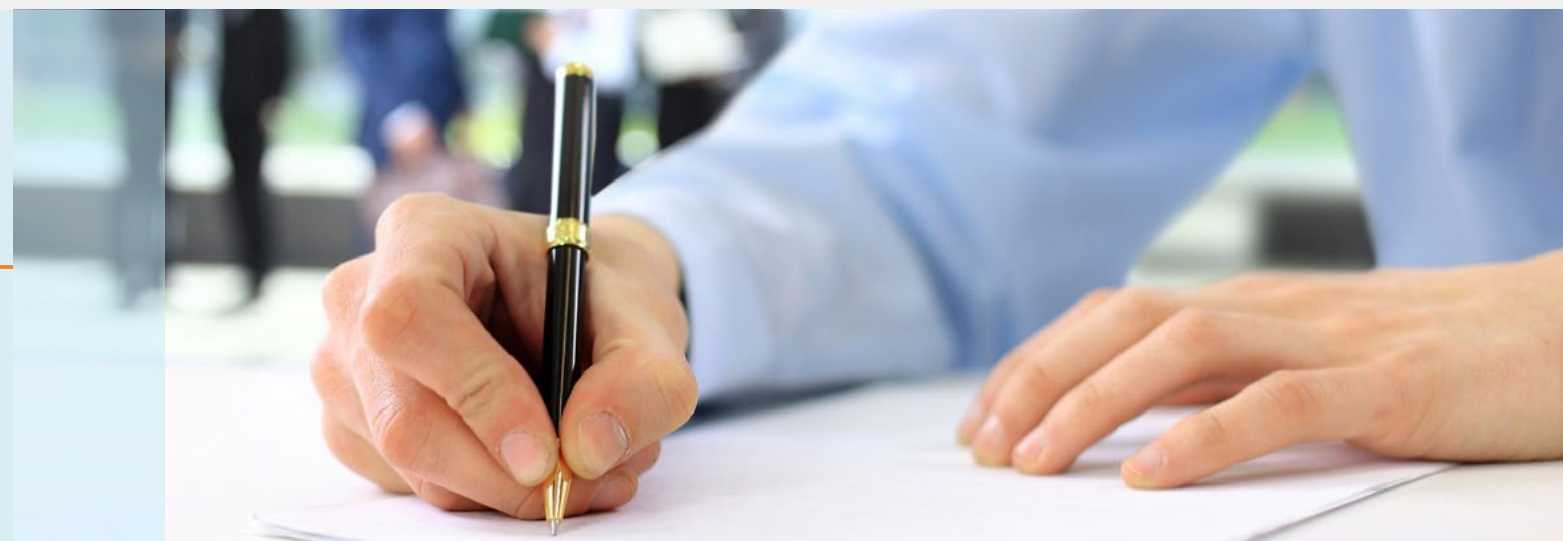
CHỦ TỊCH HĐQT



Kính gửi: Quý vị cổ đông, Quý khách hàng, đối tác

Năm 2016 kết thúc tương đối thành công với Việt Nam khi kinh tế vĩ mô ổn định, lạm phát thấp, tăng trưởng dần phục hồi. Thị trường bảo hiểm tăng trưởng tích cực với tổng doanh thu phí bảo hiểm đạt 87.563 tỷ đồng, tăng 37% so với năm 2015; trong đó, bảo hiểm phi nhân thọ tăng 15%, đạt 37.197 tỷ đồng. Tuy vậy, năm 2016 cũng chứng kiến nhiều thiên tai, thảm họa cùng với sự cạnh tranh ngày càng khốc liệt giữa các doanh nghiệp bảo hiểm trên thị trường. Mặc dù số tiền bồi thường và chi trả bảo hiểm liên tục tăng cao, nhiều doanh nghiệp bảo hiểm vẫn sẵn sàng hạ phí bảo hiểm, mở rộng điều kiện điều khoản, khiến cho hoạt động kinh doanh bảo hiểm ngày càng trở nên rủi ro hơn.

Kinh doanh bảo hiểm - tài chính trong một môi trường đặc biệt khó khăn như thế thực sự là một thách thức đối với mỗi doanh nghiệp. Mặc dù vậy, với sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của Hội đồng Quản trị và sự năng động, mềm dẻo trong công tác quản lý kinh doanh của Ban Tổng Giám đốc điều hành, Tổng Công ty Cổ Phần Bảo hiểm Bưu Điện (PTI) đã hoàn thành tốt các nhiệm vụ và các chỉ tiêu kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông đề ra. Theo đó, doanh thu bảo hiểm gốc của PTI đạt 3.096 tỷ đồng, hoàn thành 103,2% kế hoạch năm, tăng trưởng 25% so với năm 2015, đứng vững trong top 3 doanh nghiệp có thị phần cao nhất, đảm bảo trả cổ tức 12%, mức cao nhất so với các doanh nghiệp bảo hiểm trên thị trường.



Bên cạnh sự tăng trưởng đáng khích lệ, PTI tiếp tục hoàn thiện mô hình tổ chức tại Trụ sở chính Tổng Công ty, nâng cao chất lượng dịch vụ, mở rộng các kênh phân phối, cải tiến quy trình dịch vụ, đẩy mạnh công tác phát triển thương hiệu và truyền thông, xây dựng đội ngũ nhân sự chuyên nghiệp nhưng vẫn mang đậm nét văn hóa doanh nghiệp PTI: Đoàn kết - Kỷ luật - Văn minh - Thân thiện - Đổi mới.

Năm 2017, PTI còn đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức đặc biệt là khâu kiểm soát tỷ lệ bồi thường và quản trị tài chính. Toàn bộ hệ thống phải tiếp tục đoàn kết, nỗ lực với quyết tâm cao nhất dựa trên định hướng phát triển mà Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc điều hành đề ra, hoàn thành các mục tiêu mà Đại hội đồng cổ đông thông qua, duy trì tỷ lệ chi trả cổ tức cao 12%, đáp ứng được sự mong đợi của Quý vị. Tôi tin rằng tương lai PTI sẽ trở thành một doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ bán lẻ dẫn đầu thị trường với mạng lưới bán hàng và phục vụ khách hàng lớn nhất Việt Nam, là doanh nghiệp số 1 về chất lượng dịch vụ khách hàng.

Thay mặt Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc điều hành và toàn thể CBNV PTI, Tôi xin trân trọng gửi tới Quý vị lời tri ân sâu sắc, lời cảm ơn chân thành nhất về sự tin cậy, ủng hộ và hợp tác mà Quý vị đã dành cho PTI trong thời gian qua. PTI luôn mong muốn được tiếp tục là đối tác tin cậy và song hành cùng Quý vị trên chặng đường chinh phục những thành công phía trước.

Trân trọng cảm ơn!

Chủ tịch HĐQT

Nguyễn Minh Đức

TỔNG QUAN VỀ PTI

GIỚI THIỆU CHUNG

1998: Thành lập PTI

2011: Niêm yết trên sàn chứng khoán

2015: Dongbu- công ty bảo hiểm thứ 2 Hàn Quốc trở thành cổ đông chiến lược của PTI

TOP 3 công ty bảo hiểm phi nhân thọ **lớn nhất Việt Nam**

TOP 2 về bảo hiểm xe cơ giới

SỐ 1 về bảo hiểm trực tuyến

Có **MẠNG LƯỚI** bán hàng và dịch vụ khách hàng lớn nhất cả nước: 41 công ty thành viên, hơn 100 văn phòng giao dịch, 10.800 bưu cục của Tổng công ty Bưu điện Việt Nam

TẦM NHÌN ĐẾN 2020

- Trở thành một doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ bán lẻ **DẪN ĐẦU** thị trường
- Doanh nghiệp bảo hiểm số 1 về **CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ** khách hàng
- Trở thành một doanh nghiệp có trách nhiệm với **CỘNG ĐỒNG**, tích cực đóng góp vào sự phát triển và thịnh vượng của cộng đồng, đất nước



HƯỚNG TỚI KHÁCH HÀNG

Xác định "khách hàng là trung tâm" trong mọi hoạt động kinh doanh, PTI mong muốn đem đến cho khách hàng những trải nghiệm tuyệt vời nhất khi sử dụng các dịch vụ của PTI. Chính vì vậy, PTI đã đầu tư mọi nguồn lực để liên tục nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng, trong đó, xác định việc ứng dụng công nghệ thông tin tiên tiến sẽ là thế mạnh then chốt trong việc đem lại sự thuận tiện nhất cho khách hàng.

Hiện nay, PTI là doanh nghiệp bảo hiểm tiên phong triển khai thành công nhiều tính năng trong công tác dịch vụ, giúp khách hàng có thể chủ động lựa chọn các gói dịch vụ, sản phẩm, chủ động truy vấn tiến độ giải quyết hồ sơ bồi thường của mình: Đưa tổng đài hỗ trợ Callcenter vào quy trình kiểm tra, giám sát chất lượng của gara và sự hài lòng của khách hàng; Xác định vị trí giám định viên gần nhất thông qua hệ thống định vị nhằm kịp thời điều phối giám định đến hiện trường... Cam kết có mặt tại hiện trường trong vòng 30 phút sau khi nhận được thông báo tổn thất của khách hàng.

Đối với nghiệp vụ bảo hiểm con người, PTI thực hiện duyệt hồ sơ online tại hầu hết các đơn vị, hỗ trợ cho việc giải quyết bồi thường từ các đơn vị

đúng ngay từ đầu; tập trung mở rộng hệ thống bảo lãnh tại các tỉnh, thực hiện các dịch vụ gia tăng khác như: tư vấn khách hàng khám chữa bệnh tại các bệnh viện uy tín, đặt lịch khám cho khách hàng VIP, ban hành bản tin sức khỏe hàng tháng tới khách hàng nhằm giúp khách hàng phòng tránh rủi ro...

Đặc biệt, PTI là doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ tiên phong trong việc tận dụng thành công các lợi thế của kinh doanh trực tuyến để đưa ra các sản phẩm, dịch vụ tiện ích cho khách hàng. Chỉ trong năm 2016, PTI đã kết nối với 5 cổng thanh toán, cho ra mắt 5 sản phẩm mới phù hợp với cách thức mua hàng trực tuyến của khách hàng... Với sự năng động trong lĩnh vực bảo hiểm trực tuyến, PTI hiện đang là doanh nghiệp số 1 về thị phần doanh thu cũng như về sự đa dạng các tính năng, tiện ích cung ứng cho khách hàng.

Với tầm nhìn và kế hoạch hành động cụ thể, PTI sẽ là người bạn đồng tin cậy trên hành trình đồng hành cùng thành công của khách hàng: sẵn sàng chia sẻ một cách có trách nhiệm và toàn diện nhất cho mọi khách hàng, cho cộng đồng và xã hội Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông Nguyễn Minh Đức

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Minh Đức là Thạc sĩ ngành Kế toán Đại học Công nghệ Swinburne, Úc. Ông công tác trong lĩnh vực tài chính 20 năm và hiện giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam.



Ông Kim, Kang Wook

Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ông Kim, Kang Wook tốt nghiệp cử nhân Kinh tế Đại học Kookmin, Hàn Quốc. Từ năm 2010 đến nay, ông giữ chức vụ Trưởng Văn phòng Đại diện Bảo hiểm Dongbu tại TP.HCM.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông Bùi Xuân Thu

Thành viên Hội đồng Quản trị

Ông Bùi Xuân Thu là cử nhân Tài chính, Luật và Thạc sỹ Quản trị kinh doanh. Ông công tác trong lĩnh vực tài chính - bảo hiểm 25 năm và hiện giữ chức vụ Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện.



Ông Park, Je Kwang

Thành viên Hội đồng Quản trị

Ông Park, Je Kwang tốt nghiệp cử nhân Đại học Quốc gia Seoul, Hàn Quốc. Ông công tác trong lĩnh vực bảo hiểm 25 năm và hiện giữ chức vụ Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Bảo hiểm Dongbu – Công ty bảo hiểm hàng đầu tại Hàn Quốc.



Bà Trần Thị Minh

Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập

Bà Trần Thị Minh đã từng đảm nhận các vị trí quan trọng như Phó Giám đốc Công ty Bưu chính liên tỉnh và Quốc tế, Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện.



Bà Phạm Minh Hương

Thành viên Hội đồng Quản trị

Bà Phạm Minh Hương đã từng đảm nhiệm nhiều vị trí quan trọng như Giám đốc kinh doanh tiền tệ và thị trường tài chính Ngân hàng Citibank, Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư IPA. Hiện bà giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT.



Ông Mai Xuân Dũng

Thành viên Hội đồng Quản trị

Ông Mai Xuân Dũng tốt nghiệp cử nhân trường Đại học Kinh tế Quốc dân và là Thạc sỹ Kinh tế và Tài chính Quốc tế Đại học Queensland, Úc. Ông công tác trong lĩnh vực bảo hiểm 25 năm và hiện giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm Quốc gia Việt Nam.

BAN KIỂM SOÁT



Ông Nguyễn Hữu Thắng

Trưởng Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Hữu Thắng gia nhập PTI từ năm 2012 và hiện giữ chức vụ Phó Giám đốc Ban Tài chính Kế toán. Ông tốt nghiệp cử nhân Kinh tế Đại học Kinh tế Quốc dân.



Bà Bùi Thanh Hiền

Thành viên Ban kiểm soát

Bà Bùi Thanh Hiền là Cử nhân kinh tế, kế toán Đại học Tài chính Kế toán. Hiện bà đảm nhiệm chức vụ Phó phòng Kế toán – Tài chính Công ty Cổ phần COKYVINA.



Bà Nguyễn Thị Hà Ninh

Thành viên Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Hà Ninh hiện đảm nhiệm vị trí Kế toán trưởng Công ty Chứng khoán VnDirect. Bà là Cử nhân kinh tế, bảo hiểm Đại học Kinh tế Quốc dân.



Ông Park, Ki Hyun

Thành viên Ban kiểm soát

Ông Park, Ki Hyun là Thạc sỹ MBA Tài chính Đại học Rutgers, Hoa Kỳ. Hiện ông giữ chức vụ Giám đốc Công ty Bảo hiểm Dongbu.



Ông Bae, Taeg Soo

Thành viên

Ông Bae, Taeg Soo tốt nghiệp Cử nhân Kinh tế, Quản trị kinh doanh Đại học Seogang, Hàn Quốc. Hiện ông giữ chức vụ Giám đốc Công ty Bảo hiểm Dongbu.

BAN ĐIỀU HÀNH



Ông Bùi Xuân Thu

Thành viên Hội đồng Quản trị
kiêm Tổng Giám đốc

Ông Bùi Xuân Thu là cử nhân Tài chính, Luật và Thạc sỹ Quản trị kinh doanh. Ông công tác trong lĩnh vực tài chính - bảo hiểm 25 năm và đảm nhiệm vị trí Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện từ tháng 05 năm 2015.



Ông Đỗ Quang Khánh

Phó Tổng Giám đốc

Ông Đỗ Quang Khánh tốt nghiệp cử nhân Kinh tế Trường Đại học Tài chính Kế toán Hà Nội. Ông có kinh nghiệm 25 năm trong lĩnh vực tài chính – kế toán. Ông gia nhập PTI từ năm 1998 và được bổ nhiệm vào vị trí Phó Tổng Giám đốc từ tháng 05 năm 2011.

Ông Nguyễn Đức Bình

Phó Tổng Giám đốc

Trước khi gia nhập PTI, ông Nguyễn Đức Bình từng công tác tại Tổng Công ty Bảo hiểm Việt Nam. Ông gia nhập PTI từ năm 1998 và được bổ nhiệm vào vị trí Phó Tổng Giám đốc từ tháng 09 năm 1998.



Ông Nguyễn Xuân Thái

Phó Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Xuân Thái có bằng thạc sỹ Quản trị Kinh doanh tại trường United Business Institute (UBI) của Bỉ. Trước khi được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc vào tháng 8/2016, ông là người đã có công lớn trong việc đưa nghiệp vụ bảo hiểm xe cơ giới vươn lên vị trí thứ 2 thị trường.



Bà Lưu Phương Lan

Phó Tổng Giám đốc

Bà Lưu Phương Lan có 22 năm kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực tài chính bảo hiểm. Bà gia nhập PTI từ năm 2000 và đã được bổ nhiệm giữ nhiều vị trí quản lý quan trọng như Giám đốc ban Bảo hiểm Con người, Giám đốc ban Bảo hiểm Tài sản Kỹ thuật. Tháng 8/2016, bà chính thức được bổ nhiệm giữ vị trí Phó Tổng Giám đốc.



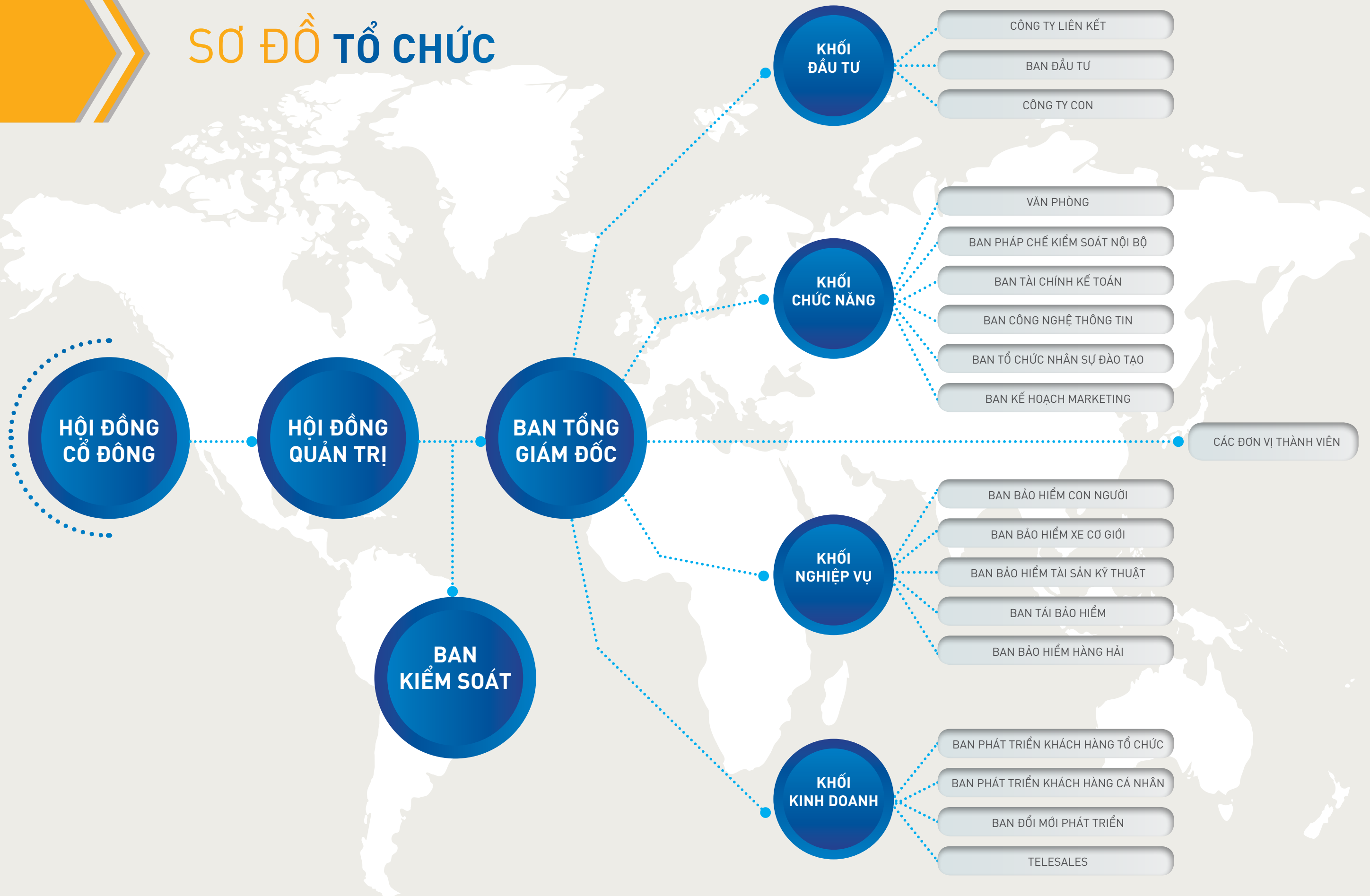
Ông Huỳnh Việt Khoa

Phó Tổng Giám đốc

Ông Huỳnh Việt Khoa tốt nghiệp cử nhân Kinh tế Trường Đại học Kinh tế Tp. Hồ Chí Minh. Năm 2009, ông gia nhập PTI và giữ chức vụ Giám đốc Công ty Bảo hiểm Bưu điện Tp. Hồ Chí Minh. Từ tháng 04 năm 2011, ông được bổ nhiệm vào vị trí Phó Tổng Giám đốc.



SƠ ĐỒ TỔ CHỨC



BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG

Kết quả kinh doanh

Hoạt động Cộng đồng

Các sự kiện nổi bật

Danh hiệu & Giải thưởng

KẾT QUẢ KINH DOANH

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	NỘI DUNG	KH 2016	THỰC HIỆN 2016	
			Số tiền	%/ KH
1	DT từ HĐ KDBH	3.126.500	3.226.174	103%
	- BH gốc	3.000.000	3.096.474	103%
	- Nhận tái BH	126.500	129.700	102%
2	LN từ ĐTu và HĐ khác	165.349	124.702	75%
3	Tổng chi phí	3,124,241	3.221.380	
	Tỷ lệ chi phí/doanh thu	99,93%	99.85%	
4	Lợi nhuận trước thuế	170.956	129.496	76%
5	Lợi nhuận sau thuế	136.765	104.730	77%
6	Tỷ lệ cổ tức	12%	12%	100%
7	Thù lao, thưởng HĐQT, BKS			

Năm 2016, tổng doanh thu bảo hiểm đạt 3.226 tỷ đồng, hoàn thành 103% kế hoạch kinh doanh, tăng trưởng 26% so với năm 2015. Trong đó, doanh thu từ nghiệp vụ bảo hiểm xe cơ giới đạt 1.856 tỷ đồng, tăng trưởng 24%, chiếm 60% tổng doanh thu PTI, tỉ trọng cao nhất trong 4 nghiệp vụ. PTI tiếp tục duy trì vị trí thứ 3 về tổng thị phần, và thứ 2 về nghiệp vụ xe cơ giới.

Lợi nhuận trong hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc giảm so với năm trước lợi nhuận từ hoạt động đầu tư tăng từ chỉ đạt 75% so với kế hoạch. Một số nguyên nhân chính ảnh hưởng đến hoạt động đầu tư bao gồm:

- Năm 2015: PTI hiện thực hóa 2 mảnh đất lớn tại Hà Nội khiến lợi nhuận từ hoạt động đầu tư tăng cao, do đó, ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng từ hiệu quả đầu tư của năm 2016 so với năm 2015.
- Năm 2016: Theo kế hoạch PTI dự kiến bán một số dự án bất động sản, tuy nhiên, chưa thực hiện được.
- Chưa bán được các cổ phiếu của công ty Vinare.
- Tăng trích lập quỹ dự phòng của nghiệp vụ tàu hàng.

Năng suất lao động: Năng suất lao động bình quân năm 2016 đạt 1,7 tỷ đồng/người, tăng 11% so năm 2015. Đây là mức năng suất lao động khá cao so trên thị trường bảo hiểm trong bối cảnh nền kinh tế và thị trường còn gặp rất nhiều khó khăn.

KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu bảo hiểm đạt 3.226 tỷ đồng, hoàn thành 103% kế hoạch.

Tỷ lệ trả cổ tức 12%.

Năng suất lao động bình quân năm 2016 đạt 1,7 tỷ đồng.

Các kênh phân phối hoạt động ổn định.

Kênh Vnpost: Doanh thu qua kênh đạt 603 tỷ đồng, tăng trưởng 32,7% so với năm 2015. Đây đang là kênh phân phối có doanh thu cao và hiệu quả nhất trên toàn hệ thống.

- Bước đầu triển khai thành công sản phẩm bảo hiểm hộ sử dụng điện. Đây là sản phẩm có hiệu quả cao, tận dụng thế mạnh về mạng lưới bưu điện văn hóa xã của Tổng công ty Bưu điện Việt Nam.
- Tận dụng lợi thế chi trả lương hưu của bưu điện để phát triển chương trình bảo hiểm hưu trí tại các tỉnh phía Bắc, doanh thu chương trình này đạt: 45 tỷ đồng.
- Phát động thành công nhiều chương trình thi đua, thúc đẩy các cán bộ bưu điện đẩy mạnh doanh thu bảo hiểm của PTI.

Kênh Banca: Doanh thu banca đạt 514 tỷ đồng, tăng trưởng 31,7% so với 2015, duy trì hợp tác toàn diện với 10 ngân hàng.

- Ký kết thành công thỏa thuận hợp tác với một số ngân hàng lớn như: Vietcombank, Tienphongbank...Doanh thu phí bảo hiểm qua các ngân hàng này đang ngày càng tăng trưởng rõ rệt.
- Xây dựng thành công kịch bản "thâm canh" đa dạng hóa sản phẩm tại một số ngân hàng lõi, đem lại tỉ trọng doanh thu cao. Tiêu biểu như tại ngân hàng Vpbank: tổng doanh thu phí bảo hiểm qua ngân hàng này chiếm 22% tổng doanh thu banca của PTI.
- Xây dựng, đóng gói thành công cách thức tổ chức và vận hành kênh banca phù hợp với đặc điểm riêng của từng đơn vị, qua đó, khai thác được tối đa các nguồn lực của đơn vị.

Kênh Telesales: PTI là doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ năng động nhất trong việc phát triển kênh bán hàng trực tuyến. Doanh thu qua kênh này đạt 56 tỷ đồng, tăng trưởng 2 lần so với năm 2015. PTI đang là doanh nghiệp bảo hiểm số 1 về bảo hiểm trực tuyến.

Liên tục triển khai thành công 18 chương trình khuyến mại không chỉ góp phần thúc đẩy doanh thu bán hàng mà còn góp phần xây dựng và quảng bá thương hiệu của PTI trên thị trường.



KẾT QUẢ ĐỔI MỚI CÔNG TÁC QUẢN LÝ, QUẢN TRỊ TẠI DOANH NGHIỆP

- Năm 2016 là năm đầu tiên PTI song song áp dụng mô hình quản trị bồi thường nghiệp vụ xe cơ giới theo năm tài chính và năm nghiệp vụ. Cách thức này giúp PTI quản trị chính xác số liệu bồi thường của từng dòng sản phẩm, qua đó, có những điều chỉnh, quyết sách phù hợp để nâng cao hiệu quả kinh doanh.
- Quy hoạch và chuẩn hóa các hệ thống báo cáo theo nghiệp vụ, theo kênh phân phối, cung cấp đầy đủ và chính xác thông tin quản trị cho các đơn vị để nâng cao năng lực và hiệu quả quản trị nghiệp vụ.
- Mở rộng hợp tác đối tác nhằm tận dụng lợi thế của môi trường thương mại điện tử, góp phần thúc đẩy doanh thu bảo hiểm cũng như quảng bá thương hiệu PTI trên thị trường. Năm 2016, PTI đã hợp tác với hơn 20 đối tác để phát triển sản phẩm cũng như đa dạng hóa các cổng thanh toán nhằm đem lại sự thuận tiện cho khách hàng.
- Tổ chức 58 khóa học cho 1.453 lượt cán bộ tham gia dưới nhiều hình thức và nội dung đa dạng: đào tạo ngắn hạn, đào tạo dài hạn (từ xa), đào tạo nghiệp vụ bảo hiểm, đào tạo kỹ năng quản lý, kỹ năng giảng dạy, kỹ năng chăm sóc khách hàng, kỹ năng bán hàng... Điểm mới trong công tác đào tạo năm 2016 là hướng trọng tâm vào nâng cao tính thực tiễn và hiệu quả, chủ trương PTI hóa các chương trình đào tạo (PTI tự xây dựng chương trình, tự giảng dạy) tiếp tục được triển khai có hiệu quả rõ rệt góp phần nâng cao năng lực đội ngũ nhân sự.

KẾT QUẢ VỀ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ CẢI TIẾN KỸ THUẬT QUẢN LÝ

Sáng tạo, đổi mới là những giá trị văn hóa PTI rất coi trọng trong hoạt động kinh doanh. Năm 2016, PTI đã đưa vào áp dụng nhiều sáng kiến điển hình góp phần thúc tăng trưởng doanh thu, quản lý có hiệu quả. Một số sáng kiến công nghệ thông tin có tác dụng thiết thực trong hoạt động của PTI năm 2016 gồm:

- Xây dựng và hoàn thiện modul kết nối với hệ thống thanh toán các ngân hàng Việt Nam, các cổng thanh toán chủ động hoàn toàn trong việc thanh toán đơn hàng trực tuyến cho khách hàng qua Internet.
- Hoàn thiện các ứng dụng bán hàng cho các điểm bán hàng trực tuyến qua Internet. Có thể bán hàng và đồng bộ dữ liệu online (realtime) về hợp nhất dữ liệu trong ngày tại Tổng công ty. Điển hình là hơn 10.000 điểm bán hàng của VNPOST đã kết nối trực tuyến với PTI.
- Xây dựng và hoàn thiện phần mềm mShield, sử dụng bán bảo hiểm trực tuyến của PTI đối với Trung tâm VAS – Mobifone.
- Xây dựng và hoàn thiện chương trình nhập liệu nhanh của các kênh bán hàng trên nền webbase.
- Áp dụng thành công chương trình bảo lãnh viện phí trực tuyến đối với các bệnh viện ký hợp tác.

- Xây dựng và áp dụng thành công bài toán Quản lý chào phí môi giới sử dụng để quản lý chào phí độc quyền qua môi giới của PTI đem lại hiệu quả lớn cho quản lý các khách hàng của PTI.
- Áp dụng CNTT vào sử dụng cho việc tra cứu bồi thường các đơn bảo hiểm ô tô xe máy trực tuyến với khách hàng.
- Chuyển toàn bộ báo cáo Nghiệp vụ bảo hiểm lên ứng dụng Web, mang tính trực quan, thuận tiện hơn đối với người dùng, đảm bảo bảo mật hệ thống dữ liệu.
- Xây dựng thêm nhiều các Service chạy ngầm, Web khai báo email nhận số liệu gửi của tất cả các dịch vụ chạy số liệu tự động qua email (mail tái tục HĐ, mail tự động cảnh báo HĐ/SĐBS phát sinh quyền lợi, mail tự động cảnh báo HĐ/SĐBS thay đổi quyền lợi,...).
- Triển khai xây dựng bài toán nguồn và bài toán lõi kỹ thuật về nghiệp vụ bảo hiểm.
- Phát triển hạ tầng CNTT kết nối site-to-site từ trụ sở đến các đơn vị còn lại của PTI đảm bảo dữ liệu được quản lý tập trung, online, hệ thống backup dự phòng online.
- Nâng cấp thành công phiên bản mới hệ thống cầu truyền hình kết nối giữa Tổng công ty PTI với các đơn vị.
- Triển khai thành công hạ tầng hệ thống mạng và máy chủ tại PTI.

HOẠT ĐỘNG CỘNG ĐỒNG

Bên cạnh việc thúc đẩy kinh doanh, PTI luôn chú trọng đến các hoạt động hỗ trợ cộng đồng, trong đó, đặc biệt hướng đến các em học sinh, sinh viên có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, các em có thành tích học tập xuất sắc.

Thực hiện định hướng đó, từ năm 2010, PTI đã phối hợp cùng Trung ương Hội khuyến học Việt Nam triển khai chương trình trao quà "Vun đắp ước mơ xanh" trên mọi miền tổ quốc, nhằm mục đích hỗ trợ các em học sinh có thành tích học tập xuất sắc, những em học sinh nghèo hiếu học có thêm các điều kiện học tập và rèn luyện tốt nhất. Thông qua chương trình Vun đắp ước mơ xanh, PTI trao tặng đồ dùng học tập, sách truyện, vở viết cùng nhiều suất học bổng và thẻ bảo hiểm Phúc học đường cho các em học sinh trong khắp cả nước.

Sau hơn 7 năm triển khai chương trình, PTI đã trao tặng gần 10 tỉ đồng tiền quà tặng + học bổng và thẻ bảo hiểm Phúc học đường cho các em học sinh trên cả nước.

Đặc biệt, từ năm 2013, với sự hỗ trợ của cổ đông chiến lược Dongbu, Quỹ Văn hóa Dongbu đã đồng hành cùng PTI trong việc triển khai chương trình "Vun đắp ước mơ xanh", trao tặng thêm hàng trăm suất học bổng cũng như tài trợ chi phí xây trường, mua sắm thiết bị giảng dạy cho nhiều trường trên toàn quốc. Trong năm 2016, PTI đã cùng Quỹ Văn hóa trao tặng 2 phòng học đầy đủ tiện nghi cho các em học sinh trường THCS Nùng Nàng, TP. Lai Châu, tỉnh Lai Châu. Bên cạnh đó, chương trình còn trao tặng 50 xe đạp cho các em học sinh tại huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu, đồng thời hướng dẫn, đào tạo các em học sinh tại đây các kỹ năng sống cơ bản nhất, qua đó, giúp em không chỉ có thêm điều kiện vật chất học tập tốt hơn mà còn trang bị cho mình những kiến thức cơ bản để các em tự tin chủ động trong giao tiếp, biết cách xử lý những tình huống cấp cứu cơ bản...

Với định hướng trở thành "Doanh nghiệp bảo hiểm của cộng đồng", trong thời gian tới, PTI sẽ nỗ lực hết mình để đóng góp chung vào việc vun đắp cho các thế hệ trẻ phát triển tốt nhất.



CÁC SỰ KIỆN NỔI BẬT



DOANH THU BẢO HIỂM VƯỢT
3.000 TỶ ĐỒNG

ỨNG DỤNG THÀNH CÔNG
CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRONG
QUẢN TRỊ ĐIỀU HÀNH



KHAI TRƯƠNG
5 CÔNG TY THÀNH VIÊN



TIẾP TỤC GIỮ VỊ TRÍ
TOP 2 VỀ BẢO HIỂM XE CƠ GIỚI VÀ
TOP 3 VỀ BẢO HIỂM CHĂM SÓC SỨC KHỎE



SỐ 1
VỀ BẢO HIỂM TRỰC TUYẾN

**CỜ THI ĐUA CỦA
CHÍNH PHỦ**

**TOP 500
DOANH NGHIỆP
LỚN NHẤT
VIỆT NAM (VNR500)**

**DOANH NGHIỆP CÓ
BƯỚC TIẾN VƯỢT BẬC
TRONG CHÍNH SÁCH
NHÂN SỰ**

**DOANH NGHIỆP VÌ
NGƯỜI LAO ĐỘNG
2016**

**DANH HIỆU &
GIẢI THƯỞNG**

**THƯƠNG HIỆU
QUỐC GIA 2016**



BÁO CÁO QUẢN TRỊ

Báo cáo của Hội đồng quản trị

Báo cáo của Ban kiểm soát

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	TỶ LỆ NẮM GIỮ (%)	
			Đại diện	Cá nhân
1	Nguyễn Minh Đức	Chủ tịch HĐQT	11,39	0,01
2	Bùi Xuân Thu	Ủy viên HĐQT	11,28	0,06
3	Park, Je Kwang	Ủy viên HĐQT	24,88	0
4	Mai Xuân Dũng	Ủy viên HĐQT	4,42	0
5	Kim, Kang Wook	Ủy viên HĐQT	12,44	0
6	Phạm Minh Hương	Ủy viên HĐQT	17,62	0
7	Trần Thị Minh	Ủy viên HĐQT	0	0,01

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Nội dung họp HĐQT được thể hiện trong các nghị quyết được ban hành, cụ thể như sau:

SỐ NGHỊ QUYẾT/ QUYẾT ĐỊNH	NGÀY	NỘI DUNG
Nghị quyết số 05/NQ-PTI-HĐQT	26/1/2016	Đề xuất Đại hội đồng cổ đông sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty
Nghị quyết số 10/NQ-PTI-HĐQT	19/2/2016	Chuyển thời gian xin ý kiến sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty vào kỳ họp Đại hội đồng cổ đông 2016
Nghị quyết số 13/NQ-PTI-HĐQT	07/3/2016	Thông qua thời gian, địa điểm tổ chức Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2016
Nghị quyết số 25/NQ-PTI-HĐQT	30/3/2016	Thông qua báo cáo kết quả kinh doanh năm 2015 và Kế hoạch kinh doanh năm 2016.
Nghị quyết số 26/NQ-PTI-HĐQT	30/3/2016	Chủ trương thành lập Công ty thành viên mới.
Nghị quyết số 27/NQ-PTI-HĐQT	30/3/2016	Sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện.
Nghị quyết số 28/NQ-PTI-HĐQT	30/3/2016	Bầu thay thế thành viên HĐQT, Ban kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016
Nghị quyết số 52/NQ-PTI-HĐQT	14/4/2016	Về việc bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện
Nghị quyết số 53/NQ-PTI-HĐQT	14/4/2016	Về việc bầu Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện
Nghị quyết số 59/NQ-PTI-HĐQT	26/5/2016	Về việc thời gian chốt danh sách cổ đông hưởng quyền nhận cổ tức còn lại năm 2014 và chi trả cổ tức năm 2015
Nghị quyết số 68/NQ-PTI-HĐQT	1/8/2016	Bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc Lưu Phương Lan
Quyết định số 69/QĐ-PTI-HĐQT	1/8/2016	Bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc Nghiêm Xuân Thái
Nghị quyết số 85/NQ-PTI-HĐQT	13/9/2016	Thông qua báo cáo kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm 2016 và kế hoạch KD 6 tháng cuối năm 2016
Quyết định số 95/QĐ-PTI-HĐQT	9/12/2016	Thông qua báo cáo KQKD 9 tháng đầu năm 2016, ước thực hiện 2016 và KHKD 2017

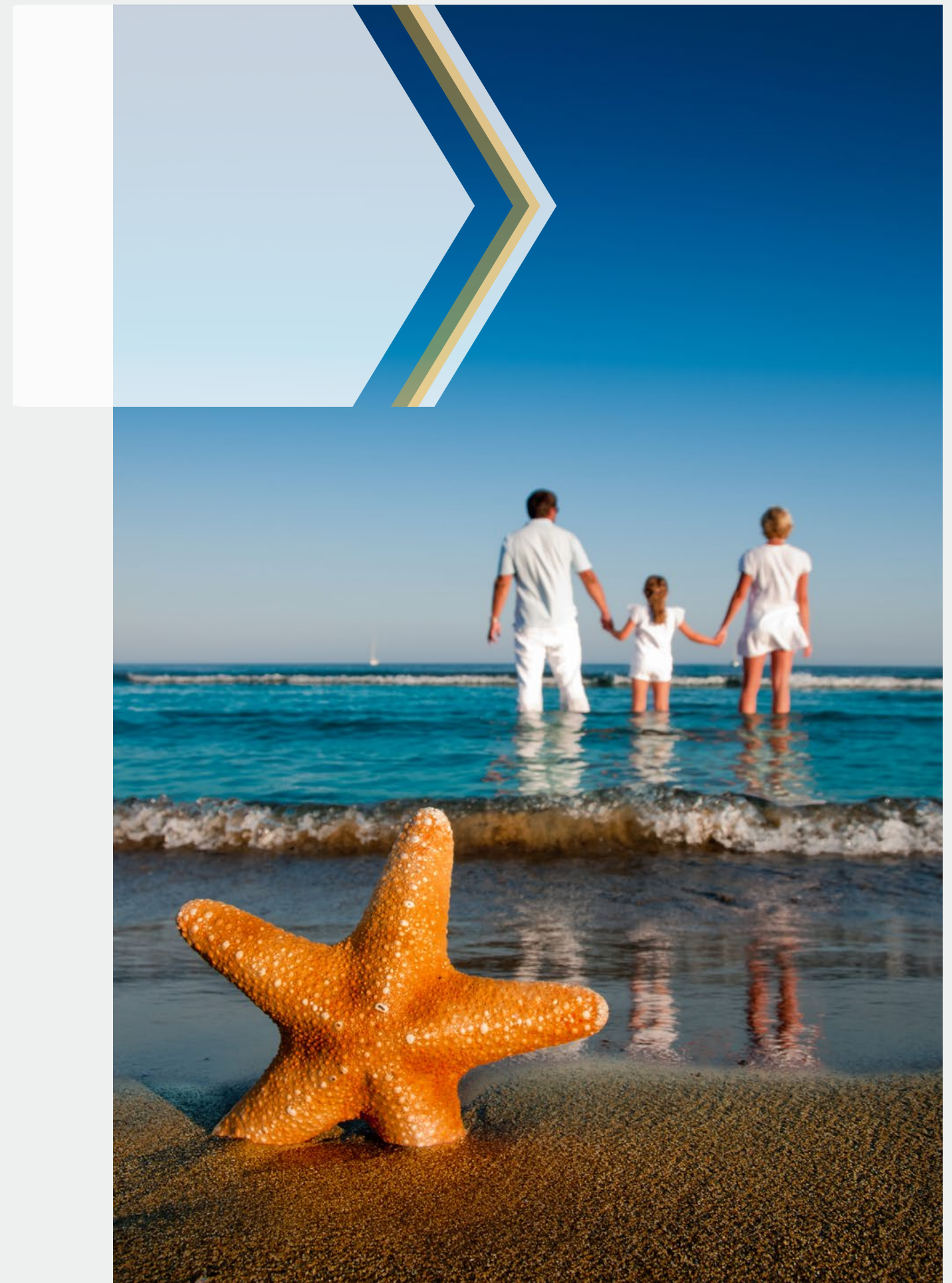
BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA BAN KIỂM SOÁT

TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	TỶ LỆ NẮM GIỮ (%)	
			Đại diện	Cá nhân
1	Nguyễn Hữu Thắng	Trưởng Ban kiểm soát	0	0
2	Bae, Taeg Soo	Thành viên BKS	0	0
3	Bùi Thanh Hiền	Thành viên BKS	0	0,02
4	Nguyễn Thị Hà Ninh	Thành viên BKS	0	0
5	Ki, Hyun Park	Thành viên BKS	0	0

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

- Ban Kiểm soát đã tổ chức các cuộc họp định kỳ và trao đổi triển khai các nhiệm vụ công tác được giao, tham gia các cuộc họp HĐQT của PTI.
- Xem xét tính phù hợp việc ban hành các văn bản của Tổng công ty, phù hợp với quy định của Pháp luật và Điều lệ Tổng công ty, các quy chế quản trị nội bộ để đảm bảo hoạt động của Tổng công ty được minh bạch, hiệu quả; phân định rõ trách nhiệm, quyền hạn của từng cá nhân phụ trách, của từng đơn vị.
- Xem xét các khoản đầu tư, việc sử dụng nguồn vốn đầu tư của Tổng công ty theo kế hoạch đã được Hội đồng quản trị phê duyệt.
- Thẩm tra chọn mẫu các số liệu báo cáo tài chính năm của Tổng công ty.
- Mọi số liệu báo cáo tài chính đều được báo cáo công khai trước cổ đông tại các Đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm.





THÔNG TIN CỔ ĐÔNG

Cơ cấu cổ phiếu

Cơ cấu cổ đông

Danh sách cổ đông lớn

CƠ CẤU CỔ PHIẾU

Đến ngày 20/06/2016 (thời điểm chốt danh sách cổ đông nhận cổ tức còn lại năm 2014 và cổ tức năm 2015).

CHỈ TIÊU	SỐ LƯỢNG CP
Tổng số cổ phiếu	80.395.709
- Cổ phiếu phổ thông	80.395.709
- Cổ phiếu ưu đãi	0
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	80.395.709
- Cổ phiếu phổ thông tự do chuyển nhượng	50.395.709
- Cổ phiếu phổ thông hạn chế chuyển nhượng	30.000.000

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Tổng công ty tính đến thời điểm 20/06/2016 - thời điểm chốt danh sách cổ đông nhận cổ tức còn lại năm 2014 và cổ tức năm 2015.

TT	LOẠI CỔ ĐÔNG	SỐ CP NẮM GIỮ	TỶ LỆ
1	Cổ đông tổ chức	70.372.790	87,53%
1.1	Trong nước	39.896.570	49,63%
	- Tổng công ty Bưu điện Việt Nam	18.225.648	22,67%
	- Các cổ đông pháp nhân khác	21.670.922	24,70%
1.2	Nước ngoài	30.476.220	37,91%
	- DONGBU INSURANCE CO.,LTD	30.000.000	37,32%
	- Các cổ đông pháp nhân nước ngoài khác	476.220	0,59%
2	Cổ đông cá nhân	10.022.919	12,47%
2.1	Trong nước	10.004.951	12,45%
2.2	Nước ngoài	17.968	0,02%

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LỚN

TT	LOẠI CỔ ĐÔNG	SỐ CP NẮM GIỮ	TỶ LỆ
1	Dongbu Insurance Co.,Ltd	30.000.000	37,32%
2	Tổng công ty Bưu điện Việt Nam	18.225.648	22,67%
3	Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDirect	13.209.875	16,43%

(Tại ngày 09/11/2015)

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có

Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

Các chứng khoán khác: Không có

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo của Ban lãnh đạo

Báo cáo Kiểm toán độc lập

Báo cáo Tài chính tổng hợp

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính
tổng hợp 2016



BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO

Ban Lãnh đạo Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

KHÁI QUÁT VỀ TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện hoạt động theo Giấy phép thành lập số 3633/GP-UB, ngày 01 tháng 8 năm 1998 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội với thời gian hoạt động là 25 năm.

Trong quá trình hoạt động, Tổng Công ty đã 17 lần được Bộ Tài chính cấp Giấy phép điều chỉnh về việc tăng vốn điều lệ và thành lập thêm các công ty thành viên.

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: 043 772 4466

Fax: 043 772 4460

Mã số thuế: 0 1 0 0 7 7 4 6 3 1

Các đơn vị trực thuộc: 42 đơn vị

Lĩnh vực kinh doanh: kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ

Các nghiệp vụ được phép kinh doanh:

- Kinh doanh bảo hiểm gốc:
 - Bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm tai nạn con người;
 - Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại;
 - Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển đường bộ, đường biển, đường sông, đường sắt và đường hàng không;
 - Bảo hiểm trách nhiệm chung;
 - Bảo hiểm xe cơ giới;
 - Bảo hiểm cháy, nổ;
 - Bảo hiểm thiệt hại kinh doanh.

- Kinh doanh tái bảo hiểm: Nhận và nhượng tái bảo hiểm liên quan đến các nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ.
- Tiến hành các hoạt động đầu tư theo quy định của pháp luật.
- Giám định tổn thất.
- Đại lý giám định tổn thất, xét giải quyết bồi thường, yêu cầu người thứ ba bồi hoàn.
- Các hoạt động khác theo quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH, QUẢN LÝ

Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Tổng Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

HỌ VÀ TÊN	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/Tái bổ nhiệm/Miễn nhiệm
Ông Nguyễn Trường Giang	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 14 tháng 4 năm 2016
Ông Nguyễn Minh Đức	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 4 năm 2016
Ông Kim, Kang Wook	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2015
Ông Mai Xuân Dũng	Ủy viên	Tái bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2015
Bà Phạm Minh Hương	Ủy viên	Tái bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2015
Bà Trần Thị Minh	Ủy viên	Tái bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2015
Ông Park, Je Kwang	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2015
Ông Bùi Xuân Thu	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2015

Ban Kiểm soát

HỌ VÀ TÊN	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/Tái bổ nhiệm/Miễn nhiệm
Bà Nguyễn Thị Hồng Lan	Trưởng Ban	Miễn nhiệm ngày 14 tháng 4 năm 2016
Ông Nguyễn Hữu Thắng	Trưởng Ban	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 4 năm 2016
Bà Bùi Thanh Hiền	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2015
Ông Ki, Hyun Park	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2015
Bà Nguyễn Thị Hà Ninh	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2015
Ông Bae, Taeg Soo	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2015

Ban Tổng Giám đốc

HỌ VÀ TÊN	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/Tái bổ nhiệm/Miễn nhiệm
Ông Bùi Xuân Thu	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2015
Ông Nguyễn Đức Bình	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2015
Ông Đỗ Quang Khánh	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2015
Ông Huỳnh Việt Khoa	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2015
Ông Bùi Trung Kiên	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2015
Ông Nghiêm Xuân Thái	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 8 năm 2016
Bà Lưu Phương Lan	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 8 năm 2016

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Bùi Xuân Thu - Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2015).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Trách nhiệm của Ban Lãnh đạo

Ban Lãnh đạo chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Lãnh đạo phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tổng Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

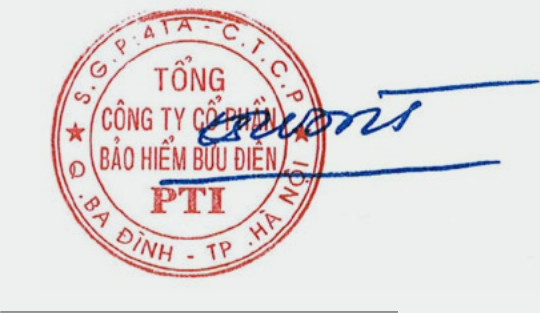
Ban Lãnh đạo đảm bảo rằng, Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty và Báo cáo tài chính tổng hợp được lập tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Bảo hiểm ban hành theo Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Lãnh đạo Tổng Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Tổng Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Lãnh đạo phê duyệt Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm. Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Bảo hiểm ban hành theo Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Lãnh đạo,



Bùi Xuân Thu
Tổng Giám đốc

Ngày 16 tháng 3 năm 2017

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN LÃNH ĐẠO
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty"), được lập ngày 16 tháng 3 năm 2017, từ trang 09 đến trang 55, bao gồm Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban Lãnh đạo

Ban Lãnh đạo Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Bảo hiểm ban hành theo Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Lãnh đạo xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Lãnh đạo cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Bảo hiểm ban hành theo Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



Nguyễn Văn Kiên - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0192-2013-008-1

Trần Anh Tuấn - Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1708-2013-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 3 năm 2017

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP
(Dạng đầy đủ)

	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		3,498,331,492,479	3,520,346,280,880
I	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	75,002,395,142	302,677,015,685
1	Tiền	111		75,002,395,142	45,677,015,685
	Tiền mặt			12,756,489,487	7,052,924,549
	Tiền gửi ngân hàng			61,393,355,655	38,624,091,136
	Tiền đang chuyển			852,550,000	-
2	Các khoản tương đương tiền	112		-	257,000,000,000
II	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	2,045,968,598,415	2,002,538,490,107
1	Chứng khoán kinh doanh	121		209,032,088,933	120,222,672,796
2	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	122		(263,490,518)	(174,182,689)
3	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		1,837,200,000,000	1,882,490,000,000
III	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		665,287,611,952	575,338,315,793
1	Phải thu khách hàng	131		411,280,102,986	373,874,256,970
1.1	Phải thu về hợp đồng bảo hiểm	131.1	V.3	411,280,102,986	329,205,951,278
1.2	Phải thu khác của khách hàng	131.2		-	44,668,305,692
2	Trả trước cho người bán	132	V.4	126,561,037,205	95,129,599,327
3	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4	Các khoản phải thu khác	135	V.5	187,266,227,659	175,756,439,422
5	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(59,819,755,898)	(69,421,979,926)
IV	Hàng tồn kho	140	V.7	3,383,502,562	3,211,631,929
1	Hàng tồn kho	141		3,383,502,562	3,211,631,929
2	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
V	Tài sản ngắn hạn khác	150		159,948,812,717	123,291,122,262
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	152,279,898,233	122,181,842,274
1.1	Chi phí hoa hồng chưa phân bổ	151.1	V.8a	151,907,547,345	121,468,560,031
1.2	Chi phí trả trước ngắn hạn khác	151.2		372,350,888	713,282,243
2	Thuế GTGT được khấu trừ	152		6,338,516,128	167,123,038
3	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		1,330,398,356	942,156,950
4	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5	Tài sản ngắn hạn khác	158		-	-
VIII	Tài sản tái bảo hiểm	190		548,740,571,691	513,289,705,104
1	Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	191		331,811,783,188	298,110,560,168
2	Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	192		216,928,788,503	215,179,144,936
B	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1,398,638,261,163	725,995,124,107
I	Các khoản phải thu dài hạn	210		16,791,631,818	16,352,540,307
1	Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
2	Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3	Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
2	Phải thu dài hạn khác	218		16,791,631,818	16,352,540,307
2.1	Ký quỹ bảo hiểm	216.1		10,280,000,000	10,780,000,000
2.2	Phải thu dài hạn khác	216.2		6,511,631,818	5,572,540,307
3	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II	Tài sản cố định	220		65,805,357,399	47,019,608,836
1	Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	59,474,417,966	43,821,704,543
	Nguyên giá	222		119,980,805,746	96,313,698,224
	Giá trị hao mòn lũy kế	223		(60,506,387,780)	(52,491,993,681)
2	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	Nguyên giá	225		-	-
	Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3	Tài sản cố định vô hình	227	V.10	6,330,939,433	3,197,904,293
	Nguyên giá	228		10,989,035,367	7,193,563,011
	Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4,658,095,934)	(3,995,658,718)
4	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
III	Bất động sản đầu tư	240	V.11	110,514,416,982	90,333,667,176
	Nguyên giá	241		112,838,923,737	90,970,255,582
	Giá trị hao mòn lũy kế	242		(2,324,506,755)	(636,588,406)
IV.	Tài sản dở dang dài hạn	240		44,032,269,340	24,030,178,463
1	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	44,032,269,340	24,030,178,463
III	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		1,139,923,933,319	534,844,157,967
1	Đầu tư vào công ty con	251		23,500,000,000	23,500,000,000
2	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		122,644,900,000	122,644,900,000
3	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	258		171,367,628,100	57,095,000,000
4	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	V.2c	(30,804,966,363)	(45,616,527,061)
5	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn			853,216,371,582	377,220,785,028
VI	Tài sản dài hạn khác	260		21,570,652,305	13,414,971,358
1	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	21,570,652,305	13,414,971,358
2	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN		270		4,896,969,753,642	4,246,341,404,987

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A	NỢ PHẢI TRẢ	300		3,057,577,752,222	2,409,716,050,781
I	Nợ ngắn hạn	310		3,056,547,296,086	2,407,707,127,645
1	Vay và nợ ngắn hạn	311		70,000,000,000	-
1	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	208,730,626,127	133,609,380,747
1.1	Phải trả về hợp đồng bảo hiểm	312.1		200,615,077,286	127,664,598,876
1.2	Phải trả khác cho người bán	312.2		8,115,548,841	5,944,781,871
2	Người mua trả tiền trước	312	V.14	35,055,923,663	36,829,272,276
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	25,396,764,812	21,627,829,978
4	Phải trả người lao động	314		53,191,525,993	56,373,623,424
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	315		301,382,436	692,255,517
6	Phải trả nội bộ	316			
7	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318.1		92,416,150,533	70,609,802,390
8	Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng	318.2		94,850,311,274	109,233,960,118
9	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.16	65,251,680,738	60,049,448,835
10	Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
10	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		70,900,000	24,500,000
12	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
11	Dự phòng nghiệp vụ	329	V.17	2,411,282,030,510	1,918,657,054,360
11.1	Dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	329.1		1,585,666,973,133	1,264,462,864,552
11.2	Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	319.2		778,982,126,930	582,996,936,818
11.3	Dự phòng giao động lớn	319.3		46,632,930,447	71,197,252,990
II	Nợ dài hạn	330		1,030,456,136	2,008,923,136
1	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
2	Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3	Phải trả dài hạn khác	333	V.18	1,030,456,136	2,008,923,136
4	Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7	Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8	Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B	NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1,839,392,001,419	1,836,625,354,206
I	Vốn chủ sở hữu	410	V.19	1,839,392,001,419	1,836,625,354,206
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		803,957,090,000	803,957,090,000
-	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		803,957,090,000	803,957,090,000
-	Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2	Thặng dư vốn cổ phần	412		827,943,052,804	827,943,052,804
3	Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4	Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
3	Quỹ đầu tư phát triển	418		19,699,784,835	18,131,617,954
4	Quỹ dự trữ bắt buộc	419		41,549,237,547	36,312,733,442
5	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
6	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		146,242,836,233	150,280,860,006
-	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		46,749,258,242	1,305,006,357
-	LNST chưa phân phối kỳ này	421b		99,493,577,992	148,975,853,649
II	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		440		4,896,969,753,642	4,246,341,404,987

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
4. Hợp đồng bảo hiểm gốc chưa phát sinh		243,193,975,360	210,170,630,726
5. Ngoại tệ các loại:		-	-
Dollar Mỹ (USD)		160,241.25	95,523.50
Euro (EUR)		28,921.27	28,929.25
Bảng Anh (£)		347.83	354.43

Lập, ngày 24 tháng 01 năm 2017

Người lập biểu

Nguyễn Thị Ngọc Khuê

Kế toán trưởng

Cao Thu Hiền

Tổng Giám đốc



Bùi Xuân Thu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	10	VI.1	2,542,387,176,732	1,892,918,244,050
2. Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư	11		4,967,475,984	172,314,652,273
3. Doanh thu hoạt động tài chính	12	VI.2	157,715,411,238	149,992,991,525
4. Thu nhập khác	13		953,719,183	751,748,786
5. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm	20		2,049,383,545,204	1,495,709,968,101
6. Giá vốn bất động sản đầu tư	21		2,099,144,015	63,947,185,769
7. Chi phí hoạt động tài chính	22	VI.3	35,051,433,930	64,395,816,433
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	VI.4	487,933,274,308	391,748,648,964
9. Chi phí khác	24		1,926,539,504	1,755,962,012
10. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=10+11+12+13-20-21-22-23-24)	50		129,629,846,176	198,420,055,355
11. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51			
12. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
13. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60	VI.5	104,730,082,098	156,816,688,052
14. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70			

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
THEO HOẠT ĐỘNG
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1 Doanh thu phí bảo hiểm	01	VI.1	2,904,970,301,052	2,209,661,101,206
- Phí bảo hiểm gốc	01.1		3,096,474,612,452	2,461,662,760,300
- Phí nhận tái bảo hiểm	01.2		129,700,247,181	127,167,710,922
- Tăng (giảm) dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	01.3		321,204,558,581	379,169,370,016
2 Phí nhượng tái bảo hiểm	02		648,905,890,917	470,953,558,998
Tổng phí nhượng tái bảo hiểm	02.1		682,607,113,937	612,651,445,802
Tăng (giảm) dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	02.2		33,701,223,020	141,697,886,804
3 Doanh thu phí bảo hiểm thuần (03=01-02)	03		2,256,064,410,135	1,738,707,542,208
4 Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm				
Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	04.1		210,158,962,292	153,894,756,395
Doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	04.2		76,163,804,304	315,945,447
5 Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm (10=03+04)	10		2,542,387,176,731	1,892,918,244,050
6 Chi bồi thường	11		1,208,404,100,462	847,911,077,634
Tổng chi bồi thường	11.1		1,220,933,094,388	855,886,014,942
Các khoản giảm trừ (thu hồi người thứ 3 bồi hoàn, thu hàng đã xử lý bồi thường 100%)	11.2		12,528,993,926	7,974,937,308
7 Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	12		235,547,984,309	208,074,464,868
8 Tăng (giảm) dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	13		195,985,190,112	111,014,444,867
9 Tăng (giảm) dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	14		1,749,643,567	(21,324,584,801)
10. Tổng chi bồi thường bảo hiểm (15=11-12+13-14)	15		1,167,091,662,698	772,175,642,434
11. Tăng (giảm) dự phòng giao động lớn	16		25,435,677,457	19,761,790,254

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
12.	Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	17		856,856,205,049	703,772,535,413
-	Chi hoa hồng bảo hiểm	17.1		277,947,672,582	234,787,952,433
-	Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	17.2		578,908,532,467	468,984,582,980
13	Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm (18=15+16+17)	18		2,049,383,545,204	1,495,709,968,101
14	Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm (19=10-18)	19		493,003,631,527	397,208,275,949
15	Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư	20	VI.2	4,967,475,984	172,314,652,273
16	Giá vốn bất động sản đầu tư	21	VI.4	2,099,144,015	63,947,185,769
17	Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư bất động sản (22=21-20)	22	V.9	2,868,331,969	108,367,466,504
18	Doanh thu hoạt động tài chính	23	VI.3	157,715,411,238	149,992,991,525
19	Chi phí hoạt động tài chính	24	VI.5	35,051,433,930	64,395,816,433
20	Lợi nhuận gộp hoạt động tài chính (25=23-24)	25		122,663,977,308	85,597,175,092
21	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	487,933,274,308	391,748,648,964
22	Lợi nhuận thuần hoạt động kinh doanh (30=19+22+25-26)	30		130,602,666,496	199,424,268,581
23	Thu nhập khác	31		953,719,183	751,748,786
24	Chi phí khác	32		1,926,539,504	1,755,962,012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
25	Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(972,820,321)	(1,004,213,226)
26	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		129,629,846,175	198,420,055,354
27	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		24,899,764,078	41,603,367,303
28	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
29	Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 – 51 - 52)	60		104,730,082,097	156,816,688,051
30	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70			

Lập, ngày 24 tháng 01 năm 2017

Người lập biểu


Nguyễn Thị Ngọc Khuê

Kế toán trưởng


Cao Thu Hiền

Tổng Giám đốc


Bùi Xuân Thu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1	Lợi nhuận trước thuế	01		129,629,846,175	73,915,097,300
2	Điều chỉnh cho các khoản:				
	Khấu hao tài sản cố định	02		11,317,101,804	5,445,337,128
	Các khoản dự phòng	03		432,849,632,666	296,956,934,485
	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	3,086,093,132
	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		[97,489,637,482]	[81,309,354,969]
	Chi phí lãi vay	06		193,038,211	
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		476,499,981,374	298,094,107,076
	Tăng, giảm các khoản phải thu	09		[191,245,304,485]	[203,366,889,380]
	Tăng, giảm hàng tồn kho	10		[171,870,633]	[582,158,824]
	Tăng, giảm các khoản phải trả	11		86,491,781,082	187,142,796,363
	Tăng, giảm chi phí trả trước	12		[38,253,736,907]	[38,044,682,462]
	Tiền lãi vay đã trả	13		[193,038,211]	-
	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		[24,930,561,042]	[19,150,529,077]
	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		1,807,521,947	11,482,110,273
	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		[2,346,897,436]	[22,148,661,907]
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		307,657,875,689	213,426,092,063
II	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		[61,496,834,678]	[23,252,688,392]
2	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		60,454,545	
3	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		[743,205,586,554]	[1,511,190,000,000]
4	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		312,500,000,000	479,413,890,935
5	Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	V.9	[115,022,628,100]	[355,147,234,282]

CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
6	Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		750,000,000	353,805,782,185
7	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		112,519,273,147	50,052,265,973
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(493,955,776,185)	(1,006,317,983,581)
III	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	1,067,646,837,316
2	Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	V.12	-	-
3	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		90,000,000,000	-
4	Tiền chi trả nợ gốc vay	34		[20,000,000,000]	-
5	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		[111,376,720,047]	[31,151,597,443]
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(41,376,720,047)	1,036,495,239,873
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(227,674,620,543)	243,603,348,355
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	302,677,015,685	33,560,737,882
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
	Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	75,002,395,142	277,164,086,237

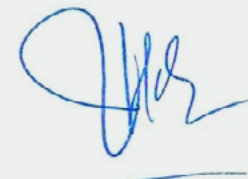
Lập, ngày 24 tháng 01 năm 2017

Người lập biểu



Nguyễn Thị Ngọc Khuê

Kế toán trưởng



Cao Thu Hiền

Tổng Giám đốc



Bùi Xuân Thu



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP NĂM 2016

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn: Công ty Cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh: Bảo hiểm phi nhân thọ.

3. Ngành nghề kinh doanh: Kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ, tái bảo hiểm, hoạt động đầu tư tài chính và các hoạt động khác theo quy định của pháp luật.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

6. Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 Tổng Công ty có 1.800 nhân viên đang làm việc

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Bảo hiểm ban hành theo Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 về hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Lãnh đạo đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Bảo hiểm ban hành theo Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 về hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Tổng Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của Trụ sở chính và 41 đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Tổng Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM là giá đóng cửa tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Trường hợp tại ngày kết thúc kỳ kế toán thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Lãi hoặc lỗ từ việc chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tổng Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tổng Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết. Nếu công ty con, công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tổng Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tổng Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Tổng Công ty
- Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- **Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:**
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- **Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi:** căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp giá đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	20
Máy móc và thiết bị	5 – 7
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3

7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Tổng Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tổng Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không tính khấu hao, quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo thời hạn sử dụng.

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Toàn Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

8. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Tổng Công ty được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí.

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm
Cơ sở hạ tầng	50

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá không được trích khấu hao. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá bị giảm giá so với giá trị thị trường và khoản giảm giá được xác định một cách đáng tin cậy thì bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được ghi giảm nguyên giá và tổn thất được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

10. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí phát triển đại lý

Chi phí phát triển đại lý được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

Tiền thuê văn phòng

Tiền thuê văn phòng được phân bổ theo thời hạn thuê quy định trên hợp đồng thuê.

Công cụ dụng cụ

Công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng có giá trị từ 5 triệu đồng trở lên phân bổ trong 2 năm, công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng có giá trị nhỏ hơn 5 triệu đồng phân bổ trong 1 năm.

11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tổng Công ty.

- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả nội bộ phản ánh các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

12. Các quỹ dự phòng nghiệp vụ và chi phí hoa hồng chưa được phân bổ

Tổng Công ty trích lập dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm theo quy định tại Thông tư số 125/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 30 tháng 7 năm 2012 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 46/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2007 của Chính phủ về Chế độ tài chính đối với Doanh nghiệp bảo hiểm và Doanh nghiệp môi giới bảo hiểm.

Dự phòng phí chưa được hưởng

Dự phòng phí chưa được hưởng được trích lập theo tỷ lệ phần trăm của tổng phí bảo hiểm giữ lại, cụ thể:

- Đối với bảo hiểm hàng hoá, dự phòng phí chưa được hưởng được trích bằng 25% trên tổng phí giữ lại.
- Đối với các nghiệp vụ bảo hiểm khác, dự phòng phí chưa được hưởng được trích bằng 50% trên tổng phí giữ lại.

Chi phí hoa hồng chưa phân bổ

Chi phí hoa hồng bảo hiểm được xác định theo tỷ lệ quy định trên doanh thu hoạt động kinh doanh bảo hiểm và được giữ lại trên tài khoản chi phí hoa hồng chưa được phân bổ tương ứng theo tỷ lệ dự phòng phí chưa được hưởng.

Dự phòng bồi thường

Dự phòng bồi thường cho các yêu cầu bồi thường chưa giải quyết được Tổng Công ty trích lập theo phương pháp từng hồ sơ trên cơ sở ước tính tổn thất phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm của Tổng Công ty.

Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng chưa thông báo hoặc chưa yêu cầu bồi thường được trích lập theo công thức sau đối với từng nghiệp vụ bảo hiểm:

Dự phòng bồi thường cho tổn thất đã phát sinh chưa thông báo hoặc chưa yêu cầu bồi thường cho năm tài chính hiện tại

=

Tổng số tiền bồi thường cho tổn thất đã phát sinh chưa yêu cầu bồi thường của 3 năm tài chính trước liên tiếp

x

Số tiền bồi thường phát sinh của năm tài chính hiện tại

x

Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh của năm tài chính hiện tại

x

Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm của năm tài chính trước

x

Thời gian chậm yêu cầu bồi thường bình quân của năm tài chính hiện tại

x

Thời gian chậm yêu cầu bồi thường bình quân của năm tài chính trước

Dự phòng dao động lớn

Dự phòng bồi thường cho các dao động lớn về tổn thất được trích lập hàng năm cho đến khi khoản dự phòng này bằng 100% phí thực giữ lại trong kỳ kế toán. Mức trích lập trong kỳ là 1% phí giữ lại.

Ngày 28 tháng 12 năm 2005, Bộ Tài chính đã ban hành Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC về việc ban hành và công bố bốn chuẩn mực kế toán Việt Nam bao gồm Chuẩn mực kế toán số 19 về Hợp đồng bảo hiểm. Theo đó, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2006, việc trích lập dự phòng dao động lớn là không cần thiết do khoản dự phòng này phản ánh "các yêu cầu đòi bồi thường không tồn tại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính". Tuy nhiên, Bộ Tài chính chưa có hướng dẫn cụ thể việc áp dụng Chuẩn mực kế toán số 19 và theo quy định tại Nghị định số 46/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2007 về việc quy định Chế độ tài chính đối với Doanh nghiệp bảo hiểm, Tổng Công ty hiện vẫn trích lập dự phòng dao động lớn.

13. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

14. Phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tổng Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Quỹ dự trữ bắt buộc

Quỹ dự trữ bắt buộc được trích lập với mục đích bổ sung vốn điều lệ và đảm bảo khả năng thanh toán của Tổng Công ty. Quỹ dự trữ bắt buộc được trích lập bằng 5% lợi nhuận sau thuế hàng năm và số dư tối đa bằng 10% vốn điều lệ theo quy định tại Nghị định số 46/2007/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 27 tháng 3 năm 2007.

Các quỹ khác

Các quỹ khác được trích lập và sử dụng theo Điều lệ và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ là thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

16. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ.

66
Báo cáo thường niên 2016

Bảo hiểm Bưu điện
67

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ là tỷ giá mua vào của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày:	31/12/2016	: 22.785 VND/USD
	31/12/2015	: 22.540 VND/USD

17. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu, chi phí và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc

Doanh thu phí bảo hiểm gốc

Doanh thu phí bảo hiểm gốc được ghi nhận theo quy định tại Thông tư số 125/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 30 tháng 7 năm 2012 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 46/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2007 của Chính phủ về Chế độ tài chính đối với Doanh nghiệp bảo hiểm và Doanh nghiệp môi giới bảo hiểm. Cụ thể như sau:

(1) Khi hợp đồng bảo hiểm đã được giao kết giữa doanh nghiệp bảo hiểm và bên mua bảo hiểm hoặc có bằng chứng doanh nghiệp bảo hiểm đã chấp nhận bảo hiểm và bên mua bảo hiểm đã đóng đủ phí bảo hiểm.

(2) Hợp đồng bảo hiểm đã được giao kết và doanh nghiệp bảo hiểm có thoả thuận cho bên mua bảo hiểm nợ phí bảo hiểm trong hợp đồng bảo hiểm.

Trường hợp doanh nghiệp bảo hiểm thoả thuận với bên mua bảo hiểm việc đóng phí bảo hiểm theo kỳ thì doanh nghiệp hạch toán vào thu nhập tương ứng với kỳ hoặc các kỳ phí bảo hiểm đã phát sinh, không hạch toán vào thu nhập phần phí bảo hiểm chưa đến kỳ bên mua bảo hiểm phải nộp phí theo thoả thuận.

Phí bảo hiểm nhận trước khi chưa đến hạn tại ngày cuối của niên độ kế toán được ghi nhận ở chỉ tiêu "Người mua trả tiền trước" trên Bảng cân đối kế toán.

Chi bồi thường

Chi phí bồi thường được ghi nhận khi hồ sơ bồi thường hoàn tất và được người có thẩm quyền phê duyệt. Trường hợp chưa có kết luận số tiền bồi thường cuối cùng nhưng Tổng Công ty chắc chắn tổn thất thuộc trách nhiệm bảo hiểm và thanh toán một phần số tiền bồi thường cho khách hàng. Những vụ bồi thường chưa được phê duyệt tại thời điểm cuối kỳ được coi là chưa giải quyết và được thống kê để trích lập dự phòng bồi thường.

Hoa hồng

Chi phí hoa hồng được tính theo tỷ lệ phần trăm trên doanh thu phí bảo hiểm gốc và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Hoa hồng của mỗi loại sản phẩm được tính theo tỷ lệ riêng theo Thông tư số 124/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 7 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc thi hành Nghị định số 45/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2007 của Chính phủ về Luật kinh doanh bảo hiểm và Thông tư 86/2009/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2009 của BTC.

Hoạt động nhân tái bảo hiểm

Nhận tái bảo hiểm theo các thoả thuận tái bảo hiểm cố định

Doanh thu và chi phí nhận tái bảo hiểm theo các thoả thuận tái bảo hiểm cố định được ghi nhận khi nhận được các bảng thanh toán từ các công ty nhượng tái bảo hiểm. Tại thời điểm lập các báo cáo tài chính, chi phí liên quan đến những giao dịch nằm trong phạm vi của các thoả thuận tái bảo hiểm cố định nhưng chưa nhận được bảng thanh toán từ các công ty nhượng tái bảo hiểm sẽ được ước tính dựa trên số liệu thống kê và số liệu ước tính của nhà nhượng tái bảo hiểm.

Nhận tái bảo hiểm theo các hợp đồng tái bảo hiểm tạm thời

Doanh thu phí nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi hợp đồng tái bảo hiểm tạm thời đã được ký kết và đã nhận được bảng kê thanh toán (đối với từng thoả thuận tái bảo hiểm tạm thời) từ công ty nhượng tái bảo hiểm.

Chi phí bồi thường nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi phát sinh nghĩa vụ bồi thường theo cam kết và nhận được bảng kê thanh toán từ công ty nhượng tái bảo hiểm.

Hoa hồng nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi chấp nhận thoả thuận tái bảo hiểm và nhận được bảng kê thanh toán từ công ty nhượng tái bảo hiểm.

Hoạt động nhượng tái bảo hiểm

Phí nhượng tái bảo hiểm theo các thoả thuận bảo hiểm cố định được ghi nhận khi doanh thu phí bảo hiểm gốc nằm trong phạm vi các thoả thuận này đã được ghi nhận.

Phí nhượng tái bảo hiểm tạm thời được ghi nhận khi hợp đồng tái bảo hiểm tạm thời đã được ký kết và doanh thu phí bảo hiểm gốc nằm trong phạm vi hợp đồng này đã được ghi nhận.

Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận khi có bằng chứng hiện hữu về nghĩa vụ của bên nhận tái bảo hiểm.

Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận khi phí nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận.

Hoạt động đầu tư

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

Chi phí hoạt động đầu tư

Chi phí hoạt động đầu tư bao gồm các chi phí tập hợp trực tiếp phát sinh liên quan đến hoạt động đầu tư và chi phí dùng chung phân bổ.

Chi phí tập hợp trực tiếp bao gồm: chi phí lương bộ phận đầu tư, chi phí quản lý danh mục đầu tư, dự phòng giảm giá các khoản đầu tư, lỗ kinh doanh chứng khoán, chi phí giao dịch chứng khoán, chi phí liên quan đến hoạt động bất động sản.

Chi phí dùng chung phân bổ cho bộ phận đầu tư theo tỷ lệ doanh thu hoạt động tài chính trên tổng doanh thu thực hiện trong kỳ.

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	12,756,489,487	7,052,924,549
Tiền gửi ngân hàng	61,393,355,655	38,624,091,136
Tiền đang chuyển	852,550,000	-
Các khoản tương đương tiền (Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống)	-	257,000,000,000
Cộng	75,002,395,142	302,677,015,685

2. Đầu tư ngắn hạn

Các khoản đầu tư tài chính của Tổng Công ty bao gồm chứng khoán kinh doanh, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tổng Công ty như sau:

2a. Chứng khoán kinh doanh

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
ACV	-	-	-	29.600.000.000	29.600.000.000	-
BLI	940.648.860	940.648.860	-	-	-	-
G36	64.090.938.300	64.090.938.300	-	-	-	-
HDG	3.103.326.952	3.103.326.952	-	-	-	-
DHG	3.961.362.641	3.961.362.641	-	-	-	-
VSH	618.942.416		-		-	-
HAH	993.182.903	618.942.416		-	-	-
DPTW2	1.908.413.500	1.908.413.500	-	1.908.413.500	1.908.413.500	-
GEX	-	-	-	5.854.981.000	7.345.000.000	-
FCN	2.056.868.640	2.056.522.500	51,368,640	-	-	-
SDI	612.827.865	612.827.865		-	-	-
HUT	9.972.730.600	9.972.730.600	-	-	-	--
MAC	-	-	-	5.191.194.015	5.106.412.200	84.781.815
MBB	6.804.522.905	6.804.522.905	-	-	-	-
VKC	3.740.180.228	3.740.180.228	109,780,228	-	-	-
PGI	2.417.542.864	2.417.542.864	-	21.096.244.641	27.527.111.000	-
CHP	1.245.918.624	1.236.150.000	-			
PHH	-	-	-	11.419.433.280	13.410.840.000	-
FPT	2.604.901.500	2.604.901.500	-	-	-	-

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
SDF	-	-	-	6.052.582.420	7.687.120.000	-
SBA	2.180.863.928	2.180.863.928	-	-	-	-
SHI	-	-	-	732.549.726	738.855.000	-
TCB	70.140.000.000	70.140.000.000		-	-	-
TCO	9.059.105.656	9.059.105.656	-	10.213.625.656	11.448.990.000	-
VCB	-	105.400	-	-	-	-
VFA	-	-	-	3.089.948.500	3.374.000.000	-
VGG	5.131.061.450	5.449.189.315	99,890,450	-	-	-
VIC	-	-	-	3.041.555.500	3.199.000.000	-
VNE	2.101.296.996	-		2.067.546.899	2.151.632.000	-
VNR	14.261.500.905	14.261.500.905	-	14.261.500.905	42.120.000.000	-
VTV	1.085.951.200	1.085.951.200	2,451,200	4.101.980.874	4.012.580.000	89.400.874
VTX	-		-	1.591.115.880	1.847.860.000	-
Cộng	209.032.088.933	206.245.727.535	263,490,518	120.222.672.796	161.477.813.700	174.182.689

2b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	1.837.200.000.000	2.184.120.000.000	1.882.490.000.000	1.882.490.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn	1.823.000.000.000	2.169.920.000.000	1.860.500.000.000	1.860.500.000.000
Ủy thác đầu tư ngắn hạn	14.200.000.000	14.200.000.000	21.990.000.000	21.990.000.000
Dài hạn	853.216.371.582	829.510.629.855	377.220.785.028	337.613.666.848
Tiền gửi có kỳ hạn	611.920.000.000	611.920.000.000	89.920.000.000	89.920.000.000
Ủy thác quản lý danh mục đầu tư	20.000.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000
Đầu tư dự án kinh doanh bất động sản qua Công ty Cổ phần Bất động sản Bưu điện	57.910.347.222	57.910.347.222	61.010.347.222	61.010.347.222
Cho vay ủy thác Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Thăng Long	33.386.024.360	9.680.282.633	34.130.437.806	9.866.695.721
Cho vay ủy thác Ngân hàng TMCP Hàng hải - Chi nhánh Hà Nội	-	-	22.160.000.000	6.816.623.905
Đầu tư trái phiếu	130.000.000.000	130.000.000.000	150.000.000.000	150.000.000.000
Tổng công ty Đầu tư Phát triển nhà và Đô thị	50.000.000.000	50.000.000.000	50.000.000.000	50.000.000.000
Công ty Cổ phần Tasco	80.000.000.000	80.000.000.000	100.000.000.000	100.000.000.000
Cộng	2.690.416.371.582	3.013.630.629.855	2.259.710.785.028	2.220.103.666.848

2c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	SỐ CUỐI NĂM		SỐ ĐẦU NĂM	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con	23.500.000.000	2.418.455.345	23.500.000.000	3.387.517.366
Công ty Cổ phần Thương mại Xăng dầu Việt Nam	11.700.000.000	2.418.455.345	11.700.000.000	3.387.517.366
Công ty IBS Việt Nam	11.800.000.000	-	11.800.000.000	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	122.644.900.000	-	122.644.900.000	-
Công ty Cổ phần Bất động sản Bưu điện ⁽¹⁾	88.200.000.000	-	88.200.000.000	-
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Lanexang ⁽²⁾	20.152.200.000	-	20.152.200.000	-
Công ty Cổ phần Viễn thông Tin học Điện tử ⁽³⁾	14.292.700.000	-	14.292.700.000	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	171.367.628.100	4.913.555.699	57.095.000.000	2.994.327.136
Công ty Cổ phần Chế biến thủy sản Út Xi	15.000.000.000	1.919.228.563	15.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Du lịch Bưu điện	2.940.000.000	1.332.110.756	2.940.000.000	1.332.110.756
Công ty Cổ phần Dịch vụ số liệu Toàn Cầu	17.080.000.000	418.351.145	17.080.000.000	418.351.145
Công ty Cổ phần Huawei Việt Nam	5.800.000.000	-	5.800.000.000	-
Công ty Cổ phần Công nghệ Viễn thông Thế hệ mới	-	-	750.000.000	-
Công ty Cổ phần Bất động sản Phương Nam	14.900.000.000	1.243.865.235	14.900.000.000	1.243.865.235
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ và Truyền thông	625.000.000		625.000.000	-
Công ty Cổ phần cấp phát nước Vĩnh Long	44.522.628.100	-	-	-
Công ty TNHH MTV cấp thoát nước môi trường Bình Dương	70.500.000.000	-	-	-
Cộng	317.512.528.100	7.332.011.044	203.239.900.000	6.381.844.502

(1) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103027478 ngày 21 tháng 10 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp.Hà nội cấp, Tổng Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Bất động sản Bưu điện 88.200.000.000 VND, tương đương 49% vốn điều lệ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tổng Công ty đã đầu tư đủ số vốn điều lệ.

(2) Theo Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh số 347/BKH-ĐTRNN-ĐC3 ngày 30 tháng 9 năm 2014 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp, Tổng Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Bảo hiểm Lanexang 850.000 USD, tương đương 42,5% vốn điều lệ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Số vốn Tổng Công ty đang góp vào Công ty Cổ phần Bảo hiểm Lanexang là 20.152.200.000 VND, chiếm 50% vốn điều lệ.

(3) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0302826473 ngày 30 tháng 7 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, Tổng Công ty đầu tư mua 638.090 cổ phần của Công ty Cổ phần Viễn Thông tin học điện tử tương đương 21,3 % vốn điều lệ với giá mua là 14.292.700.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tổng Công ty đã đầu tư đủ số vốn điều lệ.

2d. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

	NĂM NAY
Số đầu năm	45.616.527.061
Trích lập dự phòng bổ sung	950.166.542
Hoàn nhập dự phòng	(15.343.376.095)
Số cuối năm	31.223.317.508

3. Phải thu về hợp đồng bảo hiểm

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Phải thu về phí bảo hiểm gốc	307,954,754,006	277,949,634,261
Phải thu về tái bảo hiểm	103,325,348,980	51,256,317,017
Cộng	411,280,102,986	329,205,951,278

4. Trả trước cho người bán

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Trả trước về bồi thường bảo hiểm gốc	103,847,876,589	80,273,380,435
Trả trước khác của hoạt động bảo hiểm gốc	11,179,790,673	4,787,355,238
Trả trước cho nhà cung cấp khác	11,533,369,943	10,068,863,654
Cộng	126,561,037,205	95,129,599,327

5. Các khoản phải thu khác

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Lãi dự thu hoạt động tài chính	106,757,357,070	121.847.447.280
Phải thu lại tiền bồi thường đã thanh toán cho Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Khải Thành (do tòa án đã có quyết định PTI không phải bồi thường)	5,614,181,754	5.614.181.754
Các khoản phải thu khác	51,189,070,332	32.103.942.186
Tạm ứng	15,311,546,432	12.656.614.099
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	3,059,585,960	3.534.254.103
Cộng	181,931,741,548	175.756.439.422

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	NĂM NAY
Số đầu năm	69.421.979.926
Trích lập dự phòng bổ sung	8.160.488.686
Hoàn nhập dự phòng	(17.762.712.714)
Số cuối năm	59.819.755.898

7. Hàng tồn kho

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Nguyên liệu, vật liệu	2.915.629.299	2.815.046.186
Công cụ, dụng cụ	439.673.263	314.453.925
Hàng hóa	28.200.000	82.131.818
Cộng	3.383.502.562	3.211.631.929

8. Chi phí trả trước

8a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Chi phí hoa hồng chờ phân bổ (*)	151.907.547.345	121.468.560.031
Chi phí khác	372.350.888	713.282.243
Cộng	152.279.898.233	122.181.842.274

(*) Biến động tăng, giảm chi phí hoa hồng chờ phân bổ trong kỳ như sau:

	NĂM NAY
Số dư đầu năm	121.468.560.031
Số phát sinh trong năm	308.386.659.896
Số đã phân bổ vào chi phí trong năm	(277.947.672.582)
Số dư cuối năm	151.907.547.345

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	2.462.485.389	3.057.246.267
Chi phí thuê nhà	4.481.579.395	3.469.144.657
Chi phí phát triển đại lý	352.618.057	379.910.155
Các khoản chi phí khác	14.273.969.464	6.508.670.279
Cộng	21.570.652.305	13.414.971.358

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	7.838.273.530	33.850.000	70.833.708.176	17.607.866.518	96.313.698.224
Tăng trong kỳ do mua sắm mới	7.662.113.200	96.880.000	13.464.791.544	3.395.674.918	24.619.459.662
Giảm do thanh lý, nhượng bán trong năm	-	-	(880.655.777)	(71.696.363)	(952.352.140)
Số cuối năm	15.500.386.730	130.730.000	83.417.843.943	20.931.845.073	119.980.805.746
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	1.805.710.180	33.850.000	38.296.866.131	12.355.567.370	52.491.993.681
Khấu hao trong năm	211.874.388	14.020.038	6.403.415.509	2.337.436.304	8.966.746.239
Giảm do thanh lý, nhượng bán trong năm	-	-	(880.655.777)	(71.696.363)	(952.352.140)
Số cuối năm	2.017.584.568	47.870.038	43.819.625.863	14.621.307.311	60.506.387.780
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	6.032.563.350	-	32.536.842.045	5.252.299.148	43.821.704.543
Số cuối năm	13.482.802.162	82.859.962	39.598.218.080	6.310.537.762	59.474.417.966

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	2.200.890.000	4.992.673.011	7.193.563.011
Tăng trong năm	2.895.916.800	899.555.556	3.795.472.356
Số cuối năm	5.096.806.800	5.892.228.567	10.989.035.367
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	-	3.995.658.718	3.995.658.718
Khấu hao trong năm	-	662.437.216	662.437.216
Số cuối năm	-	4.658.095.934	4.658.095.934
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	2.200.890.000	997.014.293	3.197.904.293
Số cuối năm	5.096.806.800	1.234.132.633	6.330.939.433

11. Bất động sản đầu tư

	Quyền sử dụng đất	Nhà cửa, vật kiến trúc	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	6.994.763.527	83.975.492.055	90.970.255.582
Tăng do XDCB hoàn thành	-	20.923.184.578	20.923.184.578
Giảm trong năm	-	945.483.577	945.483.577
Số cuối năm	6.994.763.527	105.844.160.210	112.838.923.737
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	-	636.588.406	636.588.406
Khấu hao trong năm	-	1.687.918.349	1.687.918.349
Số cuối năm	-	2.324.506.755	2.324.506.755

Theo quy định tại Thông tư 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2015, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc kỳ kế toán cần phải được trình bày. Tuy nhiên, Tổng Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư do chưa có điều kiện để thực hiện.

12. Chi phí xây dựng cơ bản

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển tăng tài sản trong năm	Kết chuyển giảm khác	Số cuối năm
XDCB dở dang	23.707.874.663	33.081.902.660	32.616.784.350	12.804.965.256	43.984.812.067
- Sàn Fhome	7.290.951.663	2.042.462.095		1.386.646.776	7.946.766.982
- Dự án Xuân Phương	16.416.923.000	31.039.440.565		11.418.318.480	36.038.045.085
Chi phí khác	322.303.800			274.846.527	47.457.273
Cộng	24.030.178.463	33.081.902.660	35.132.737.077	13.079.811.783	44.032.269.340

13. Phải trả người bán ngắn hạn

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Phải trả về hoạt động bảo hiểm gốc	109.378.951.656	90.614.253.320
Phải trả về hoàn phí bảo hiểm	18.085.389	18.085.389
Phải trả về hoạt động tái bảo hiểm	91.218.040.241	30.685.018.585
Phải trả nhà đồng bảo hiểm	-	6.347.241.582
Phải trả cho nhà cung cấp khác	8.115.548.841	5.944.781.871
Cộng	208.730.626.127	133.609.380.747

14. Người mua trả tiền trước

Là khoản người mua trả trước liên quan đến hoạt động bảo hiểm gốc.

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Thuế GTGT hàng bán nội địa	18.080.363.623	14.945.627.266
Thuế thu nhập doanh nghiệp	13.405.765	44.202.729
Thuế thu nhập cá nhân	7.147.699.368	6.401.104.099
Các loại thuế khác	155.296.056	236.895.884
Cộng	25.396.764.812	21.627.829.978

Thuế giá trị gia tăng

Tổng Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Tổng Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%. Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	129,629,846,175	198.420.055.354
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	(8,071,574,388)	(9.867.528.067)
Chi phí không được trừ	1,772,097,692	1.807.929.619
Cổ tức, lợi nhuận được chia	(9,843,672,080)	(11.675.457.686)
Thu nhập chịu thuế	121,558,271,787	188.552.527.287
Thu nhập được miễn thuế	-	-
Thu nhập tính thuế	121,558,271,787	188.552.527.287
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	24,311,654,357	41.481.556.003
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	24,311,654,357	41.481.556.003
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	998,973,880	121.811.300
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	25,310,628,237	41.603.367.303

Các loại thuế khác

Tổng Công ty kê khai và nộp theo quy định.

16. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	675,408,984	535.067.702
Kinh phí công đoàn	2,110,142,165	1.480.013.270
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	8,730,415,345	23.632.284.592
Thuế nhà thầu tạm giữ	2,421,497,458	2.360.201.163
Các khoản đóng góp quỹ bảo hiểm	5,292,172,177	-
Thu phí của VNPost chưa đối chiếu	13,416,281,519	12.255.848.309
Các khoản khác	32,605,763,090	19.786.033.799
Cộng	65,251,680,738	60.049.448.835

	NĂM NAY			NĂM TRƯỚC		
	Dự phòng bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	Dự phòng nhuợng tái bảo hiểm	Dự phòng BH gốc và nhận tái BH thuần	Dự phòng bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	Dự phòng nhuợng tái bảo hiểm	Dự phòng BH gốc và nhận tái BH thuần
17A. DỰ PHÒNG BỒI THƯỜNG VÀ DỰ PHÒNG PHÍ CHƯA ĐƯỢC HƯỞNG						
1. Dự phòng bồi thường	(1)	(2)	(3) = (1) – (2)	(4)	(5)	(6) = (4) – (5)
Dự phòng cho các yêu cầu đòi bồi thường chưa giải quyết	778.982.126.930	216.928.788.503	562.197.441.623	582.996.936.818	215.179.144.936	367.817.791.882
Dự phòng cho các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa thông báo	747.590.417.221	216.928.788.503	530.805.731.914	555.883.271.240	215.179.144.936	340.704.126.304
	31.391.709.709		31.391.709.709	27.113.665.578	-	27.113.665.578
2. Dự phòng phí chưa được hưởng	1.585.666.973.133	331.811.783.188	1.253.855.189.945	1.264.462.864.552	298.110.560.168	966.352.304.384
Cộng	2.364.649.100.063	548.740.571.691	1.816.052.631.568	1.847.459.801.370	513.289.705.104	1.334.170.096.266
Trong đó chi tiết:						
Dự phòng bồi thường						
Số dư đầu năm	582.996.936.818	215.179.144.936	367.817.791.882	471.982.491.951	236.503.729.737	235.478.762.214
Số trích lập trong năm	195.985.190.112	1.749.643.567	194.379.649.741	111.014.444.867	[21.324.584.801]	132.339.029.668
Số dư cuối năm	778.982.126.930	216.928.788.503	562.197.441.623	582.996.936.818	215.179.144.936	367.817.791.882
Dự phòng phí chưa được hưởng						
Số dư đầu năm	1.264.462.864.552	298.110.560.168	966.352.304.384	885.293.494.536	156.412.673.364	728.880.821.172
Số trích lập trong năm	321.204.108.581	33.701.223.020	287.502.885.561	379.169.370.016	141.697.886.804	237.471.483.212
Số dư cuối năm	1.585.666.973.133	331.811.783.188	1.253.855.189.945	1.264.462.864.552	298.110.560.168	966.352.304.384

17b. Dự phòng giao động lớn

	NĂM NAY
Số dư đầu năm	71.197.252.990
Số trích lập thêm trong năm	25.435.677.457
Số sử dụng trong năm	(50.000.000.000)
Số dư cuối năm	46.632.930.447

18. Phải trả dài hạn khác

Là khoản nhận ký quỹ ký cược dài hạn.



	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự trữ bất buốc	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	803.957.090.000	827.943.052.804	18.131.617.954	28.471.899.039	62.439.141.118	1.740.942.800.915
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	156.816.688.052	156.816.688.052
Trích lập các quỹ trong năm trước	-	-		7.840.834.403	[9.154.020.961]	[1.313.186.558]
Chia cổ tức năm trước	-	-	-	-	[58.435.279.900]	[58.435.279.900]
Thù lao và thưởng HĐQT, BKS	-	-	-	-	[1.313.186.558]	[1.313.186.558]
Giảm khác	-	-	-	-	[72.481.745]	[72.481.745]
Số dư cuối năm trước	803.957.090.000	827.943.052.804	18.131.617.954	36.312.733.442	150.280.860.006	1.836.625.354.206
Số dư đầu năm nay	803.957.090.000	827.943.052.804	18.131.617.954	36.312.733.442	150.280.860.006	1.836.625.354.206
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	104.319.217.938	104.319.217.938
Trích lập các quỹ trong năm	-	-	1.568.166.881	-	[1.568.166.881]	-
Chia cổ tức năm nay	-	-	-	-	[96.474.850.800]	[96.474.850.800]
Thù lao và thưởng HĐQT, BKS	-	-	-	-	[5.488.584.083]	[5.488.584.083]
Số dư cuối năm nay	803.957.090.000	827.943.052.804	19.699.784.835	36.312.733.442	151.068.476.179	1.838.981.137.260

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Vốn đầu tư của Nhà nước	201.548.120.000	162.729.000.000
Vốn góp của các cổ đông	602.408.970.000	641.228.090.000
Thặng dư vốn cổ phần	827.943.052.804	827.943.052.804
Cộng	1.631.900.142.804	1.631.900.142.804

Cổ phiếu

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	80.400.000	80.400.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	80.395.709	80.395.709
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	80.395.709	80.395.709

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

1. Doanh thu phí bảo hiểm

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Doanh thu bảo hiểm gốc	3,122,697,967,453	2,500,507,995,178
Các khoản giảm trừ phí bảo hiểm gốc	[26,223,355,001]	[38,845,234,878]
Phí nhận tái bảo hiểm	135,509,949,548	130,579,865,261
Các khoản giảm trừ phí nhận tái bảo hiểm	[5,809,702,367]	[3,412,154,339]
Tăng (giảm) dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	[321,204,558,581]	[379,169,370,016]
Doanh thu thuần	2,904,970,301,052	2,209,661,101,206

2. Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư

Là doanh thu cho thuê sàn thương mại tại Cao ốc căn hộ Thủy Lợi 4

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	87,036,655,302	109,508,888,932
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	417,749,202	322,885,149
Lãi ủy thác đầu tư	14,205,444	312,220,765
Lãi kinh doanh chứng khoán	57,705,271,378	26,260,827,088
Cổ tức, lợi nhuận được chia	5,043,836,080	4,375,989,861
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2,096,861,889	2,031,695,374
Các khoản khác	66,345,832	7,180,484,356
Cộng	152,380,925,127	149,992,991,525

4. Giá vốn bất động sản đầu tư

Là giá vốn cho thuê sàn thương mại tại Cao ốc căn hộ Thủy Lợi 4

5. Chi phí tài chính

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Chi phí lãi vay	193,038,211	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1,400,075,331	3,682,701,741
Lỗ kinh doanh chứng khoán	10,280,659,375	7,940,629,505
Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	950,166,542	-
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	89,307,829	36,847,813,347
Chi phí khác	24,358,676,843	15,924,671,840
Cộng	37,271,924,131	64,395,816,433

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Chi phí cho nhân viên	287,571,372,305	237,183,656,677
Chi phí nguyên liệu. vật liệu	18,150,436,115	14,720,850,642
Chi phí dụng cụ quản lý	10,254,695,689	7,839,443,593
Chi phí khấu hao tài sản cố định	10,823,959,804	7,376,121,569
Thuế, phí và lệ phí	10,892,160,666	9,119,870,341
Chi phí dự phòng	[3,513,488,029]	[1,477,380,405]
Chi phí dịch vụ mua ngoài	67,270,010,944	52,199,189,108
Chi phí khác bằng tiền	78,929,150,502	64,786,897,439
Cộng	480,378,297,996	391,748,648,964

7. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 30 về "Lãi trên cổ phiếu", Tổng Công ty không trình bày chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng mà trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Lập, ngày 24 tháng 01 năm 2017

Người lập biểu



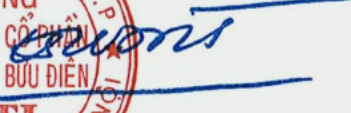
Nguyễn Thị Ngọc Khuê

Kế toán trưởng



Cao Thu Hiền

Tổng Giám đốc



Bùi Xuân Thu



VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Tiền lương Ban điều hành	6.287.334.476	6.293.954.544
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát	1.551.947.602	715.457.705
Cộng	7.839.282.078	7.009.412.249

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tổng Công ty gồm:

BÊN LIÊN QUAN	MỐI QUAN HỆ
Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam	Cổ đông sáng lập
Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh	Cổ đông sáng lập
Tổng Công ty Cổ phần Tái Bảo hiểm Quốc gia Việt Nam	Cổ đông sáng lập
Công ty Cổ phần Thương mại Xăng dầu Việt Nam	Công ty con
Công ty Cổ phần IBS Việt Nam	Công ty con
Công ty Cổ phần Bất động sản Bưu điện	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Kasati	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Lanexang	Công ty liên kết

Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Nhận tái bảo hiểm		
Phí nhận tái bảo hiểm	1.439.070.803	2.562.708.568
Chi hoa hồng nhận tái bảo hiểm	352.088.270	761.716.471
Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm	147.849.174	360.867.816
Nhượng tái bảo hiểm		
Phí nhượng tái bảo hiểm	3.108.993.539	8.593.262.447
Thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	1.017.507.737	2.759.698.973
Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	332.457.427	2.036.568.973

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Nhận tái bảo hiểm		
Phí nhận tái bảo hiểm	15.894.366.753	64.680.985.564
Chi hoa hồng nhận tái bảo hiểm	4.123.598.085	15.453.049.230
Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm	6.523.582.559	41.678.203.785
Chi khác nhận tái bảo hiểm		20.148.031
Nhượng tái bảo hiểm		
Phí nhượng tái bảo hiểm	45.131.712.442	84.926.313.021
Thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	9.511.267.707	18.802.282.093
Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	11.061.527.176	33.904.124.093

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Tổng Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm quốc gia Việt Nam	4.824.736.312	1.522.559.443
Cộng nợ phải thu	4.824.736.312	1.522.559.443
Tổng Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm quốc gia Việt Nam		-
Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh	1.664.999.804	844.290.960
Cộng nợ phải trả	1.664.999.804	844.290.960

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thị trường. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thị trường.

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

2. Thông tin về bộ phận

Tổng Công ty chỉ hoạt động trong một lĩnh vực kinh doanh là cung cấp các dịch vụ bảo hiểm phi nhân thọ và trong một khu vực địa lý là lãnh thổ Việt Nam.

3. Số liệu so sánh

Ảnh hưởng của việc điều chỉnh các sai sót

	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh	Ghi chú
Bảng cân đối kế toán tổng hợp					
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	V.2c	174.395.785.028	[117.300.785.028]	57.095.000.000	(i)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	V.2b	259.920.000.000	117.300.785.028	377.220.785.028	(i)

Tăng/giảm do điều chỉnh lại khoản Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn đang phân loại sang Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác.

4. Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Hoạt động của Tổng Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tổng Công ty.

Tổng Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Để quản lý nợ phải thu khách hàng, Ban Tổng Giám đốc đã ban hành qui chế bán hàng với các qui định chặt chẽ về các đối tượng mua hàng, định mức bán hàng, hạn mức nợ và thời hạn nợ một cách cụ thể. Hàng tháng Ban Tổng Giám đốc thực hiện kiểm tra việc tuân thủ qui chế bán hàng này. Ngoài ra, nhân viên phòng kế toán thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Tổng Công ty liên quan đến nhiều đơn vị hoạt động trong các lĩnh vực và các khu vực địa lý khác nhau nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Tổng Công ty được gửi tại các ngân hàng trong nước. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.5 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số cuối năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	75.002.395.142	-	75.002.395.142
Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	132.927.089.115	12.014.061.518	144.941.150.633
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	2.622.830.347.222	33.386.024.360	2.656.216.371.582
Phải thu khách hàng	362.325.387.674	50.060.972.870	412.386.360.544
Các khoản phải thu khác	167.876.006.499	19.764.048.988	187.640.055.487
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	236.818.566.400	32.840.000.000	269.658.566.400
Cộng	3.597.779.792.052	148.065.107.736	3.745.844.899.788

	Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số đầu năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	302.677.015.685	-	302.677.015.685
Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	110.929.497.907	9.293.174.889	120.222.672.796
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	2.122.195.664.663	56.290.437.806	2.178.486.102.469
Phải thu khách hàng	321.129.332.702	52.744.924.268	373.874.256.970
Các khoản phải thu khác	143.526.045.804	34.951.816.617	178.477.862.420
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	64.165.000.000	34.920.000.000	99.085.000.000
Cộng	3.064.622.556.761	188.200.353.580	3.252.822.910.340

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tổng Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tổng Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (bao gồm cả lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Vay và nợ	70.000.000.000	-	-	70.000.000.000
Phải trả người bán	208.730.626.127	-	-	208.730.626.127
Các khoản phải trả khác	62.898.652.808	1.030.456.136	-	63.929.108.944
Cộng	341.629.278.935	1.030.456.136	-	342.659.735.071
Số đầu năm				
Phải trả người bán	133.609.380.747	-	-	133.609.380.747
Các khoản phải trả khác	58.726.623.380	2.008.923.136	-	60.735.546.516
Cộng	192.336.004.127	2.008.923.136	-	194.344.927.263

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Tổng Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn. Tổng Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng có thể được gia hạn với các bên cho vay hiện tại.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Tổng Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá chứng khoán.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 01 tháng 01 năm 2016 và ngày 31 tháng 12 năm 2016 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá chứng khoán sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Tổng Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của tỷ giá hối đoái đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Tổng Công ty là không đáng kể.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Tổng Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn, các khoản cho vay và các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Tổng Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Tổng Công ty như sau:

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	2.656.216.371.582	2.285.625.692.469
Vay và nợ	(70.000.000.000)	
Tài sản/(Nợ phải trả) thuần	2.586.216.371.582	2.285.625.692.469

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay VND có lãi suất thả nổi tăng/giảm 2% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Tổng Công ty sẽ tăng/giảm 40.465.920.000 VND (năm trước tăng/giảm 35.655.760.803 VND). Mức độ nhạy cảm đối với sự thay đổi của lãi suất năm nay tăng/giảm so với năm trước do sự tăng lên/giảm xuống của khoản vay có lãi suất thả nổi.

Rủi ro về giá chứng khoán

Các chứng khoán do Tổng Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Tổng Công ty quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu giá các chứng khoán Tổng Công ty đang đầu tư tăng/giảm 2% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Tổng Công ty sẽ tăng/giảm 3.344.513.423 VND (năm trước tăng/giảm 1.872.756.446 VND) do giảm/tăng dự phòng. Mức độ nhạy cảm đối với sự biến động của giá chứng khoán năm nay không thay đổi nhiều so với năm trước. Mức độ nhạy cảm đối với sự thay đổi của giá chứng khoán năm nay không có biến động lớn so với năm trước.

Tài sản đảm bảo

Tổng Công ty không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2015.

5. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

Giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính như sau:

	SỐ CUỐI NĂM		SỐ ĐẦU NĂM	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tiền và các khoản tương đương tiền	75.002.395.142	-	302.677.015.685	
Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	209.032.088.933	(263.490.518)	120.222.672.796	(174.182.689)
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	2.656.216.371.582	(23.891.306.464)	2.178.486.102.469	
Phải thu khách hàng	412.386.360.544	(40.055.706.911)	373.874.256.970	(69.421.979.926)
Các khoản phải thu khác	187.640.055.487	(19.764.048.988)	178.477.862.420	
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	205.567.628.100	(4.495.204.554)	99.085.000.000	(42.229.009.695)
Cộng	3.745.844.899.788	(88.469.757.435)	3.252.822.910.340	(111.825.172.310)

Nợ phải trả tài chính

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Vay và nợ	70.000.000.000	
Phải trả người bán	208.730.626.127	133.609.380.747
Các khoản phải trả khác	63.929.108.944	60.735.546.516
Cộng	342.659.735.071	194.344.927.263

Giá trị hợp lý

Tổng Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể.

6. Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát thực trạng tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

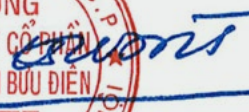
CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	Năm nay	Năm trước
Cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn			
<i>Cơ cấu tài sản</i>			
Tài sản ngắn hạn/Tổng số tài sản	%	71,44	82,90
Tài sản dài hạn/Tổng số tài sản	%	28,56	17,10
<i>Cơ cấu nguồn vốn</i>			
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	62,44	56,75
Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	37,56	43,25
Khả năng thanh toán			
Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	1,60	1,76
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	1,14	1,46
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,02	0,13
Khả năng thanh toán nợ dài hạn	Lần	1.357,30	361,39
Tỷ suất sinh lời			
<i>Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu</i>			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	%	5,10	10,48
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	%	4,12	8,28
<i>Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản</i>			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	%	2,65	4,67
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	%	2,14	3,69
<i>Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu</i>			
	%	5,69	8,54

7. Biên khả năng thanh toán (Xem phụ lục trang 54-55)

8. Các Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính tổng hợp.

Lập, ngày 16 tháng 03 năm 2017

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
		
Nguyễn Thị Ngọc Khuê	Cao Thu Hiền	Bùi Xuân Thu



HỆ THỐNG MẠNG LƯỚI

MIỀN BẮC

PTI THĂNG LONG

290 Nguyễn Trãi, Trung Văn,
Tủ Liêm, TP. Hà Nội

T 04 3537 5411
F 04 3537 5400

PTI HÀ NỘI

Tầng 2, tòa nhà báo Tài nguyên &
môi trường, lô E2 khu đô thị mới Cầu
Giấy - Yên Hòa - Cầu Giấy, TP. Hà Nội

T 04 3792 5172
F 04 3792 5173

PTI HÀ THÀNH

Tầng 5, tòa nhà Lạc Hồng,
85 Lê Văn Lương, Hà Nội

T 04 3569 0607
F 04 3569 0608

PTI ÂU LẠC

Số 2-N7B, KĐT Trung Hòa Nhân
Chính, phường Nhân Chính, quận
Thanh Xuân, TP. Hà Nội

T 04 3689 5588
F 04 3859 5588

PTI HẢI PHÒNG

Tòa nhà số 2, Lô 28A Lê Hồng Phong,
quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng

T 031 353 0886
F 031 353 0889

PTI HẢI ĐĂNG

Tầng 2 tòa nhà Thành Đạt 1, số 3 Lê
Thánh Tông, phường Máy Tơ, quận
Ngô Quyền, TP. Hải Phòng

T 0313 655 688
F 0313 655 698

PTI PHÍA BẮC

Đường Nguyễn Tất Thành, phường
Trung Vương, TP. Việt Trì, Phú Thọ

T 0210 381 0777
F 0210 385 9567

PTI LÀO CAI

Số 121, đường Thanh Niên,
phường Duyên Hải, TP. Lào Cai,
tỉnh Lào Cai

T 020 382 3969
F 020 382 3968

PTI NAM SÔNG HỒNG

Số 8 Lê Đại Hành, phường Thanh
Bình, TP. Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình

T 030 389 9446
F 030 389 1218

PTI NAM ĐỊNH

Tầng 3, tòa nhà ACB chi nhánh
Nam Định, số 67 Lê Hồng Phong,
phường Nguyễn Du, TP. Nam Định,
tỉnh Nam Định

T 0350 3528 075
F 0350 3528 074

PTI VINH PHÚC

Số 2 Đường Ngô Quyền, thị xã
Vinh Yên, tỉnh Vinh Phúc

T 0211 372 1388
F 0211 372 1222

PTI QUẢNG NINH

Số 164 Lê Thánh Tông, P. Bạch
Đằng, TP. Hạ Long, Quảng Ninh

T 033 365 6661
F 033 365 6669

PTI THỦ ĐÔ

Tầng 5, 6, tòa nhà số 95B Khu lao
động Thịnh Hào, phường Ô Chợ
Dừa, quận Đống Đa, TP. Hà Nội

T 04 3724 5103
F 04 3724 5105

PTI HẢI HƯNG

Số 106 Hồng Quang, phường
Quang Trung, TP. Hải Dương,
tỉnh Hải Dương

T 0320 389 8598
F 0320 389 8880

PTI THÁI NGUYÊN

Tầng 2, tòa nhà 9 tầng, phố Tô Ngọc
Vân, đường Phan Đình Phùng, tổ 11,
phường Đồng Quang, TP. Thái Nguyên,
tỉnh Thái Nguyên

T 0280 385 3888
F 0280 385 8797

PTI BẮC NINH

Số 16 Lý Thái Tổ, phường Suối
Hoa, TP. Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh

T 0241 3875 097
F 0241 3875 165

PTI TÂY BẮC

Bưu cục Bắc Trần Hưng Đạo,
xóm 12, xã Sủ Ngòi, TP. Hòa
Bình, tỉnh Hòa Bình

T 0218 385 8699
F 0218 385 8234

PTI TRĂNG AN

Tầng 6, tòa nhà 434 Trần Khát Chân,
P. Phố Huế, Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội

T 04 3972 6699
F 04 3976 6699

MIỀN TRUNG

PTI BẮC TRUNG BỘ

Số 16 Nguyễn Thị Minh Khai,
TP. Vinh, tỉnh Nghệ An

T 038 3598 666
F 038 3598 678

PTI THANH HÓA

Tầng 5, số 11 Hạc Thành, phường
Điện Biên, TP. Thanh Hóa

T 038 3598 666
F 038 3598 678

PTI ĐÀ NẴNG

Tầng 5 toà nhà Bưu điện Đà
Nẵng, 271 Phạm Văn Linh,
phường Vĩnh Trung, Q. Thanh Khê,
TP. Đà Nẵng

T 0511 383 7839
F 0511 383 7838

MIỀN NAM

PTI HỒ CHÍ MINH

18 Đinh Tiên Hoàng, phường Đa
Kao, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

T 08 3911 4848
F 08 3911 7018

PTI SÀI GÒN

P2-3, tầng 3 tòa nhà DALI
TOWER, 24C Phan Đăng Lưu,
phường 6, quận Bình Thạnh,
TP. Hồ Chí Minh

T 08 3841 0576
F 08 3841 0577

PTI BẾN THÀNH

Số 253 Điện Biên Phủ, phường 7,
quận 3, TP. Hồ Chí Minh

T 08 3932 1968
F 08 3932 1969

PTI ĐỒNG NAI

R64, R65 Võ Thị Sáu Nối dài,
phường Thống Nhất, TP. Biên Hoà,
Đồng Nai

T 061 394 9966
F 061 394 9965

PTI VŨNG TÀU

408 Lê Hồng Phong, phường
Thắng Tam, TP. Vũng Tàu,
tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

T 064 357 6577
F 064 357 6578

PTI THỪA THIÊN HUẾ

Tầng 2, tòa nhà số 51 Hai Bà
Trung, TP. Huế, Thừa Thiên Huế

T 054 381 5815
F 054 381 5444

PTI BÌNH TRỊ THIÊN

Số 146 đường Lý Thường Kiệt, TP.
Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình

T 052 385 0111
F 052 385 0444

PTI NAM TRUNG BỘ

Số 2 Đường Lê Thành Phương,
TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

T 058 356 0555
F 058 382 8555

PTI CÀ MAU

Số 3, đường Lưu Tấn Tài,
phường 5, TP. Cà Mau, tỉnh
Cà Mau

T 0780 355 0777
F 0780 355 0666

PTI CẦN THƠ

Số 40, đường Võ Văn Kiệt,
phường An Hòa, quận Ninh
Kiều, TP. Cần Thơ

T 0710 375 1447
F 0710 375 1445

PTI LONG AN

Số 37-39 đường số 5, phường
6, TP. Tân An, Tỉnh Long An

T 072 352 1464
F 072 352 1484

PTI TIỀN GIANG

số 59, đường 30/4, phường 1,
Tp Mỹ Tho, Tiền Giang

T 073 3979 188
F 073 3979 288

PTI SÓC TRĂNG

Số 1, đường Trần Hưng Đạo, thành
phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

T 079 3815 999
F 079 3814 999

PTI BÌNH ĐỊNH

Tầng 4, số 02 Trần Thị
Kỷ, TP. Quy Nhơn, Bình
Định

T 056 381 8818
F 056 3522 377

PTI TÂY NGUYÊN

Số 27 Trần Khánh Dư, phường Tân
Lợi, TP. Buôn Ma Thuột, Đắk Lắk

T 050 395 5994
F 050 395 5258

PTI GIA LAI

69 Hùng Vương, phường Tây Sơn,
TP. Pleiku, tỉnh Gia Lai

T 059 371 9977
F 059 371 9978

PTI BÌNH DƯƠNG

Số 150, đường Ngô Gia Tự,
phường Chánh Nghĩa, TP. Thủ
Dầu Một, tỉnh Bình Dương

T 0650 389 8708
F 0650 389 8711

PTI AN GIANG

Số 5/2 Tôn Đức Thắng, Mỹ Bình,
Long Xuyên, An Giang

T 076 395 5789
F 076 395 5777

PTI PHÚ MỸ HƯNG

Lầu 7 Tòa nhà Loyal, 151 –
151 Bis Võ Thị Sáu, phường 6,
quận 3, TP. Hồ Chí Minh

T 08 3820 5111
F 08 3820 5222

PTI THỐNG NHẤT

Tầng 3, 170 Bùi Thị Xuân,
phường Phạm Ngũ Lão, quận
1, TP. Hồ Chí Minh

T 08 6298 9911
F 08 6298 9922



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Trụ sở: Tầng 8, số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

T 043 772 44 66 **F** 043 772 44 60 **W** www.pti.com.vn



ĐIỆN THOẠI HỖ TRỢ

1900 54 54 75